

Thánh Kinh
Những Điều Thú Vị

***Lời Chúa
là đèn soi cho con bước
là ánh sáng chỉ đường cho con.
TV 119,105***

Gb. Nguyễn Thái Hùng

**THÁNH KINH
NHỮNG ĐIỀU THÚ VỊ**

2022

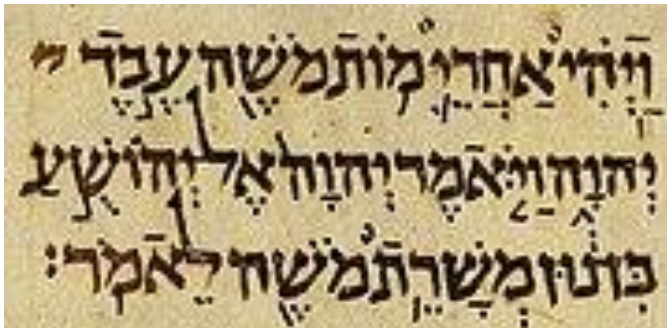
Lưu hành nội bộ

*3 * Gb. Nguyễn Thái Hùng*

*Các bạn thân mến,
để hiểu biết và thêm lòng
yêu mến Thánh Kinh,
chúng ta cùng tìm hiểu và vui học
qua những con số và những ký tự.
Mọi trích dẫn và tên riêng
đều dựa trên bản dịch Thánh Kinh
của Nhóm Phiên Dịch
Các Giờ Kinh Phụng Vụ.
Chúc các bạn
có những giây phút
vui và bổ ích.*

Thánh Kinh Những Điều Thú Vị

Thánh Kinh là Lời Thiên Chúa nói với chúng ta, được ghi chép lại dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần.



Trọng tâm của toàn bộ Thánh Kinh là Chúa Giêsu Kitô, vì toàn bộ Thánh Kinh đều quy hướng và được hoàn tất nơi Ngài.

Thánh Kinh có 2 phần: Cựu ước, 46 cuốn; Tân ước, 27 cuốn.

Thuật từ Thánh Kinh trong tiếng Hy Lạp là Ta Biblia. Ta có nghĩa là những (số nhiều), Biblia nghĩa là sách. Biblia có nguồn gốc từ byblos có nghĩa là giấy cói (papyrus), từ tên của thành phố Byblos xứ Phoenicia cổ đại, là nơi xuất khẩu giấy cói. Thánh Kinh Do Thái giáo còn gọi là Tanakh. Tên tiếng Latinh là Scriptura, nghĩa là trước tác, bài viết, bản thảo. Tiếng Anh đầu tiên gọi là Bibleh, về sau thống nhất gọi là The Bible, nghĩa là sách. Chúng ta có thể dùng từ Hán Việt - *tự ngữ đứng trước định nghĩa cho tự ngữ đi sau* - Thánh Kinh hay ngược lại dùng từ Việt gốc Hán - *tự ngữ đứng sau định nghĩa cho tự ngữ đi trước* - Kinh Thánh. (1)

Thánh Kinh Cựu Ước được viết bằng tiếng Hípri, và có vài phần viết bằng tiếng Aram như Er 4,8-6. 18; 7,12-26; Đn 2,4-7. 28, trong khoảng thời gian 1200 tCN đến 100 tCN.

Tiếng Hípri (עִבְרִית (Ivrit) là ngôn ngữ thánh thiêng của người Do Thái gồm 22 ký tự, được viết và đọc từ phải sang trái. Nhưng từ thế kỷ VI tCN trở đi, người Do Thái cũng bắt đầu sử dụng ngôn ngữ khác trong đời thường, chẳng hạn tiếng Aram. Vào thời Đức Giêsu sinh ra, tiếng Aram là ngôn ngữ phổ biến của người Do Thái.

Chúa Giêsu và các Tông đồ, cũng như Hội Thánh thời sơ khai sử dụng Bản Bảy Mươi có thêm những sách Cựu Ước được viết bằng tiếng Hy Lạp mà truyền thống Do thái không chấp nhận gồm bảy cuốn sau đây: Barúc, Tôbia, Giuditha, 1-2 Macabê, Khôn ngoan, Huấn ca. Ngoài ra, cũng gồm cả những phần sau của hai cuốn sách Đanien và Étte: Đn 3,24-90 ; ch. 13 – 14 ; Et 10,4 – 16,24.

1. THÁNH KINH CỦA NGƯỜI DO THÁI

Thánh Kinh Do thái bao gồm 24 quyển sách, được viết từ khoảng năm 1200 tCN đến năm 100 tCN hầu hết bằng tiếng Hípri, chỉ có vài phần bằng tiếng Aram, làm thành ba nhóm: Luật – Torah [הַתּוֹרָה] (gồm 5 cuốn từ sách Sáng thế đến sách Đệ nhị luật), Các ngôn sứ -

Nebi'im [מיאיבנ] (gồm 8 cuốn từ sách Giôsuê đến các Ngôn sứ nhỏ), và các Trước tác – Kethubim [מיבותכ;] (gồm 11 cuốn các Thánh vịnh đến sách Sử biên niên).



1.1 Các sách Torah [תורה], gồm:

1. Sáng thế [תישארב] (Bereshit)
2. Xuất hành [תומש] (Shemot)
3. Lêvi [ארקיו] (Vayiqra)
4. Dân số [רבדמב] (Bamidbar)
5. Đệ nhị luật [מירבד] (Devarim)

1.2 Các sách Nebi'im [נביאים], "Ngôn sứ" gồm:

1. Giôsuê [עשוהי] (Yeoshua)
2. Các Thủ lĩnh [מיטפוש] (Shophetim)
3. Samuen (I & II) [לאומש] (Shemouel)
4. Các Vua (I & II) [מיכלמ] (Melakhim)
5. Isaia [היעשי] (Iescha'Yahou)
6. Giêrêmia [הימרי] (Irmeyahou)
7. Êdêkien [לאקוזחי] (Ihezquel)
8. Mười hai ngôn sứ nhỏ bé [רשע ירת] (Schne-'Assar)
 1. Hô-sê [עשוה] (Hoshea)
 2. Gioen [לאוי] (Ioel)

3. Amôt [סומע] ('Amos)
4. Ôvadia [הידבוע] ('Obadyah)
5. Giôna [הנוי] (Iona)
6. Mikha [הכימ] (Mikha)
7. Nakhum [מוהנ] (Nahoum)
8. Habacuc [קוקבה] (Habaqouq)
9. Xôphônia [הינפצ] (Sephanyah)
10. Khâcgai [יגה] (Hagai)
11. Dacaria [הירכז] (Zecharyah)
12. Malakhi [יכאלמ] (Malakhi)

1.3 Ketuvim [כתובים, "Văn chương"] gồm:

1. Thánh vịnh [מילהת] (Tehilim)
2. Châm ngôn [ילשמ] (Mishle)
3. Gióp [בויא] (Iob)
4. Diêm ca [מירישה ריש] (Eikha)
5. Rút [תור]
6. Ai ca [הכיא]
7. Huân ca [תלהק] (Qohelet)
8. Étte [רתסא] (Ester)
9. Đanien [לאינד]
10. Etra-Nokhemia [ארזע הימחננו] ('Ezra Nechemya)
11. Sử biên niên (I & II) [ד erbiD] [ברי הימים] (Hayamim)

Thánh Kinh Cựu Ước của Tin lành có cùng các bản văn như Thánh Kinh Do thái, nhưng số các sách lại là 39 sách, và gồm bốn nhóm: Ngũ Thư (từ sách Sáng thế đến sách Đệ nhị luật), các Sách Lịch sử (từ sách Giôsuê đến sách Étte), các Sách Khôn ngoan (từ sách Gióp đến sách Diễm ca), và các sách ngôn sứ (từ sách Isaia đến sách Malakhi). *(Số quyển sách tăng lên do việc một số quyển sách của Thánh Kinh Do thái được chia ra, như 1-2 Sm, 1-2 V, 1-2 Sb, và Sách các ngôn sứ nhỏ cũng được chia thành các sách khác nhau.)*

Thánh Kinh Cựu Ước của Công giáo có tất cả 46 quyển, vì thêm các sách thuộc Quy điển thứ (sách Tôbia, Giuditha, 1 Macabê, 2 Macabê, sách Khôn ngoan, sách Huấn ca, sách Barúc và phần thêm sách Đanien và phần thêm của sách Étte). Thánh Kinh Cựu của Chính thống còn có thêm một số sách khác (như sách 3 Macabê, Thánh vịnh của Salômon,...).

Mặc dầu có những sự khác nhau về quy điển như trên, nhưng cả người Do thái và người Kitô đều tin rằng những quyển sách làm nên Thánh Kinh Do thái / Cựu Ước có nguồn gốc cổ đại, và rằng những bản copy thời trung cổ thì rất muộn thời so với những bản gốc có trước thời Kitô giáo nhiều thế kỷ. Tuy nhiên, trước khi các Cuộn Bản thảo Biển Chết / Qumran được khám phá, thật là khó để chứng minh rằng các sách, như sách Dân số, sách Samuen, sách Gióp, hoặc Isaia, thật sự tồn tại trong những thế kỷ trCN, bởi vì

hầu như không có bản văn nào từ Thời kỳ của Đền thờ Đệ nhị (530 trCN - 70 sCN) còn giữ lại được. (2)

2. BẢN BẢY MƯƠI / BẢN LXX

Bản dịch Thánh Kinh sớm nhất từ tiếng Hípri sang tiếng Hy Lạp ra đời vào khoảng thế kỷ thứ III trước Công nguyên. Được gọi là bản Bảy Mươi, (Septuaginta: tiếng Latinh nghĩa là “bảy mươi”) hay Bản LXX (theo số La Mã), bản dịch này theo truyền thống được thực hiện dưới triều vua Ptolemy II Philadelphus Ai Cập (285-246 tCN).

Truyền thống kể lại rằng vua Ptolemy II đã ủy thác cho viên quản thủ thư viện hoàng gia, Demetrius thành Phaleron, sưu tập bằng cách mua lại hay sao chép tất cả các sách thánh trên thế giới. Ông còn viết thư cho Eleazar, thượng tế ở Giêrusalem, xin gửi đến 6 vị trưởng lão trong mỗi chi tộc, vị chi là 72 vị, có đời sống gương mẫu và thông thạo các sách Lễ Luật (Torah), đến để dịch Kinh Thánh sang tiếng Hy Lạp.

Bản dịch dưới sự điều hành của Demetrius được hoàn tất trong 72 ngày. Khi cộng đồng người Do Thái ở Alexandria họp lại để nghe bản dịch mới, các dịch giả và Demetrius nhận được nhiều lời khen tặng, và người ta loan báo một lời nguyện rửa cho bất kỳ ai thêm thắt, chuyển đổi hay bỏ sót bất kỳ một lời nào trong đó.



Đó chỉ là câu chuyện cấu tạo. Nhưng về nguồn gốc bản dịch Ngũ Thư cũng không phải là hoàn toàn sai. Có lẽ chắc bản này đã được dịch cho người Do-thái cư ngụ bên Ai-cập dưới thời vua Ptôlêmê II nói trên. Bản dịch ra đời

quãng năm 250 tCN. Sau đó, trong các thế kỷ III và II tCN, các sách Cựu Ước khác ngoài Ngũ Thư cũng dần dần được dịch ra tiếng Hy-lạp.

Sau những cuộc chinh phục của Alêxandê Đại đế (336-323 tCN), tiếng Hy Lạp trở thành ngôn ngữ chính thức của Ai Cập, Syria và phía đông biển Địa Trung Hải. Bản dịch Bảy Mươi giúp phổ biến sách thánh Do Thái giáo cho những người Do Thái không còn nói tiếng mẹ đẻ và cả thế giới nói tiếng Hy Lạp nữa. Bản Bảy Mươi sau này trở thành Thánh Kinh của Giáo Hội sơ thời nói tiếng Hy Lạp, và thường được trích dẫn trong Tân Ước. (3)

3. THÁNH KINH CỰU ƯỚC

Thánh Kinh Cựu Ước được Sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo liệt kê gồm 46 cuốn (SGLHT, số 120).

3.1 Ngũ Thư (5)

1. Sáng thế,
2. Xuất hành,
3. Lê vi,
4. Dân số,
5. Đệ nhị luật.

3.2 Các sách lịch sử (16):

1. Giosuê,
2. Thủ lãnh,
3. Rút,
4. 1 Samuen,
5. 2 Samuen,
6. 1 Vua,
7. 2 Vua,
8. 1 Sử biên niên,
9. 2 Sử biên niên,
10. Étra,
11. Nơkhemia,
12. Tôbia,
13. Giuđitha,
14. Étte,
15. 1 Macabê,
16. 2 Macabê.

3.3 Các sách giáo huấn (7) :

1. Gióp,
2. Thánh vịnh,

3. Châm ngôn,
4. Giảng viên (còn gọi là Qôhêlét),
5. Diễm ca,
6. Khôn ngoan,
7. Huân ca (còn gọi là Ben Sirach).

3.4 Các sách ngôn sứ (18) :

1. Isaia,
2. Giêrêmia,
3. Edêkien,
4. Đanien (gọi là bốn ngôn sứ lớn),
5. Ai ca,
6. Barúc.

Mười hai ngôn sứ nhỏ là:

7. Hôsê,
8. Giôn,
9. Amôt,
10. Ôvađia,
11. Giônna,
12. Mikha,
13. Nakhum,
14. Khabacúc,
15. Xôphônia,
16. Dacaria,
17. Khácgai,
18. Malakia. (4)

4. NHỮNG TRUYỀN THỐNG

Ngũ Kinh: 5 cuốn sách đầu tiên của Thánh Kinh làm thành một khối duy nhất gọi là sách Luật. Bộ Ngũ Kinh được hình thành bởi 4 truyền thống sau: Truyền thống: J, E, P và D.

4.1 Truyền thống J



J là chữ viết tắt chữ Javeh (Giavê). Được gọi là truyền thống Giavê vì các đoạn văn thuộc truyền thống này gọi

đanh Thiên Chúa là Giavê.

Truyền thống J xuất hiện ở Miền Nam (vương quốc Giuđa) vào khoảng thế kỷ X tCN, dưới thời vua Đavít và Salômon trị vì Ítraen.

Đặc điểm của truyền thống này là dùng cách thức của con người để diễn tả Thiên Chúa. Chẳng hạn: Kể chuyện Thiên Chúa giống như thợ gốm ngồi lấy đất nặn ra con người, lấy xương sườn đàn ông để đắp thành đàn bà...

Truyền thống J trình bày giai đoạn lịch sử bao quát kéo dài từ con người khởi thủy đến biến cố Xuất

Hành. Chủ đề tổng quát của truyền thống J là LỜI HỨA và THỰC HIỆN LỜI HỨA được trình bày qua các trình thuật về các tổ phụ.

4.2 Tuyên thống E

E là viết tắt chữ Êlôhim. Được gọi là truyền thống Êlôhim vì các đoạn văn thuộc truyền thống này gọi Thiên Chúa là Êlôhim.

Truyền thống E xuất hiện muộn hơn truyền thống J, thuộc miền Bắc (vương quốc Ítraen), tức vào khoảng thế kỷ IX tCN.

Đặc điểm của truyền thống này là luôn tránh lối diễn tả về Thiên Chúa theo cách thức con người. Vì thế, khi tường thuật việc Thiên Chúa muốn mặc khải điều gì, thì truyền thống E không dùng hình thức trực tiếp mà dùng các cách thức như: báo mộng, đám mây, ngọn lửa, thiên thần...

Về mặt luân lý, truyền thống E khắt khe hơn truyền thống J, để đương đầu với lối sống vô luân và phong tục của các bộ tộc ngoại đạo sống xung quanh hoặc lẫn lộn với dân Ítraen.

4.3 Truyền thống P

P là viết tắt chữ Priest (tư tế). Được gọi là truyền thống tư tế, vì các bản văn thuộc truyền thống tập chú

đến những gì liên quan đến chức tư tế và phụng vụ, như: các ngày lễ, của lễ, y phụng thánh...



Truyền thống P xuất hiện vào thời lưu đày. Giữa lúc dân Chúa sống giữa thế giới dân ngoại, nên rất dễ bị lung lạc và đồng hoá

với các hình thức tôn giáo ngoại đạo. Vì thế, truyền thống P ra đời nhằm bảo vệ đức tin tinh tuyền và cách thờ tự Thiên Chúa của Ítraen.

Đặc điểm của truyền thống P cũng luôn tránh lối diễn tả Thiên Chúa theo cách thức con người, vì Thiên Chúa là Đấng Siêu Việt Tuyệt Đối. Đặc biệt đặt trọng tâm vào chủ đề: Thiên Chúa là Đấng Thánh, nên Ítraen cũng phải thánh thiện, nghĩa là phải tách biệt ra khỏi nền luân lý và những hình thức tôn thờ do con người bày ra.

Truyền thống P trình bày lịch sử theo khung cảnh phụng vụ, trình bày lịch sử Ítraen thành 4 thời kỳ và mỗi thời kỳ được đánh dấu bằng một giao ước đặc biệt của Thiên Chúa và được đáp ứng bằng một hình thức tôn thờ đặc biệt.

Ba truyền thống J, E và P đan kết lại với nhau làm thành 4 cuốn đầu của bộ Ngũ Kinh.

4.4 Truyền thống D.

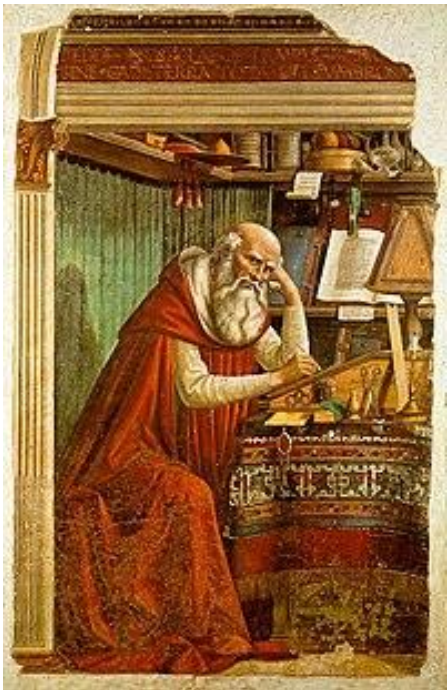
D viết tắt chữ Deutoronomy (luật thứ hai). Được gọi là truyền thống **Đệ Nhị Luật** vì nói về luật và là nội dung của sách **Đệ Nhị Luật**.

Truyền thống **D** xuất hiện vào khoảng thế kỷ VII tCN, thuộc thời kỳ khủng hoảng tôn giáo, do các vua gian ác làm tổn hại đến việc tôn kính Giavê, cùng với việc vương quốc Ítraen đã bị sụp đổ và vương quốc Giuđa đang bị đe dọa trầm trọng bởi đế quốc Assyri. Trước tình trạng ấy, truyền thống **D** ra đời nhằm khích lệ dân Ítraen trung thành với giao ước qua việc tuân giữ lề luật.

Căn bản thần học của truyền thống **D** là xác tín rằng Giao Ước là lựa chọn đầy yêu thương của Thiên Chúa, do đó tuân giữ giao ước (lề luật) của Thiên Chúa chính là đáp lại sự lựa chọn đầy yêu thương đó.

Cả 4 truyền thống J, E, P và **D** đều là truyền khẩu, mãi tới thời vua Đavít và Salomon mới được chép ra thành văn nhờ các thư ký của triều đình. Sau này trong thời kỳ lưu đày ở Babylon và thời kỳ hồi hương mới được các tư tế đúc kết lại các tài liệu như chúng ta có ngày hôm nay. (4a)

5. BẢN THÁNH KINH VULGATA



Thánh Giêrônimô (khoảng 347 tại Stridon (nay là Nam Tư) mất 30 tháng 9 năm 420 tại Bêlem; tên đầy đủ trong tiếng Latinh: Eusebius Sophronius Hieronymus, cũng được gọi là Thánh Giêrôm (Hierom) là một linh mục Kitô giáo, đến Antiochia, theo học trường chú giải Thánh Kinh, học thông thạo các ngôn ngữ Latinh,

Hy Lạp, Hebrew, Aram và được phong là Tiến sĩ Hội thánh. Ngài là người đầu tiên dịch bộ Cựu Ước (Bản Bảy Mươi / Septuaginta) từ tiếng Hy Lạp và Aram sang tiếng Latinh gọi là bản Vulgata dưới triều giáo hoàng Damasô I (từ 1.10.366 đến 11.12.384). (5)

6. THÁNH KINH TÂN ƯỚC

Thánh Kinh Tân Ước được chia như Sách GLHTCG liệt kê, gồm 27 cuốn như sau (x. số 120).

6.1 * Các sách Tin Mừng:

Tin mừng thánh Mátthêu,
Tin mừng thánh Máccô,
Tin mừng thánh Luca,
Tin mừng thánh Gioan.

6.2 * Sách lịch sử: Công vụ Tông đồ.

6.3 * Các Thư tín: 13 thư thánh Phaolô (Rôma, 1-2 Côrintô, Galát, Êphêxô, Philípphê, Côlôxê, 1-2 Thêxalônica, 1-2 Timôthê, Titô, Philêmon) và thư Hípri. 7 thư chung là thư Giacôbê, 1-2 Phêrô, 1-2-3 Gioan, Giuđa.

6.4 * Khải huyền của thánh Gioan.

Hầu như tất cả các sách Tân Ước đều được viết bằng tiếng Hy Lạp đến năm 100 sCN. (6)

7. BỐN Ý NGHĨA CẦN BIẾT KHI ĐỌC THÁNH KINH

Thánh Kinh là Lời Thiên Chúa nói với con người, lời Thiên Chúa mời gọi con người đối thoại với Ngài. Đức Bênêđictô XVI dạy, “*Lời Chúa lôi kéo mỗi người*



chúng ta vào cuộc trò chuyện với Chúa: Chúa là Đấng dạy chúng ta cách nói chuyện với Ngài”. Vì thế, Thiên Chúa muốn chúng ta nhận biết tình yêu sâu sắc nhất, đích thực nhất. Bằng cách đọc Kinh thánh,

chúng ta bắt đầu khám phá ra sự viên mãn của Đấng là Thiên Chúa, và khi làm như vậy, chúng ta hiểu ra mầu nhiệm về bản thân chúng ta, chúng ta là ai. Cho nên, khi đọc Thánh Kinh chúng ta lưu ý 4 ý nghĩa sau: Nghĩa văn tự dạy về biến cố, nghĩa ẩn dụ dạy điều phải tin, nghĩa luân lý dạy điều phải làm, nghĩa dẫn đường dạy điều phải vươn tới; nghĩa là: **Nghĩa đen hay văn tự** dạy những gì Thiên Chúa và cha ông của chúng ta đã thực hiện. **Câu chuyện ẩn dụ** là nơi đức tin và niềm tin của chúng ta được ẩn giấu. **Ý nghĩa luân lý hay đạo đức** đem tới cho chúng ta quy tắc của cuộc sống hàng ngày. **Cách chú giải chiêm niệm hay dẫn đường** cho chúng ta thấy chúng ta kết thúc cuộc sống đấu tranh của chúng ta ở nơi nào.

7.1 Nghĩa Đen / Văn Tự

Nghĩa đen của một câu hỏi là ý nghĩa của các sự kiện trong quá khứ như được tường thuật trong bản văn linh thánh. Ở đây chúng ta có thể nghĩ về một điều gì đó giống như ý nghĩa lịch sử. Nghĩa đen của một câu ít nhiều là những gì đã xảy ra, là bản ghi chép trình thuật, chuyên giao “*những thứ đã qua và có thể nhìn thấy*”.

7.2 Nghĩa Ẩn Dụ

Ý nghĩa dụ ngôn đôi khi được gọi là nghĩa Kitô học hoặc ý nghĩa biểu trưng. Ý tưởng ở đây là các sự

kiện và biểu tượng có thể ám chỉ đến Chúa Kitô. Các tài liệu quy chiếu về Chúa Giêsu thậm chí có thể được tìm thấy trong Cựu Ước. Ví dụ, khi Môsê đặt một con rắn đồng trên một cây sào để chữa vết rắn cắn cho dân Ítraen (Ds 21,8-9), Kitô hữu xem đó như một sự ám chỉ Chúa Kitô, Đấng cứu chúng ta khỏi tội lỗi trên thập giá.

7.3 Nghĩa Luân Lý / Đạo Đức

Thánh Kinh cũng cung cấp cho chúng ta một cách sống ở đây và bây giờ. Một số câu Kinh thánh giải thích các quy tắc đạo đức quen thuộc với tất cả chúng ta như 10 Điều Răn, Các Mối Phúc. Nhưng nhiều dụ ngôn của Chúa Giêsu cũng có ý nghĩa đạo đức. Chúng hướng dẫn chúng ta cách sống. Chúng ta cũng có thể nghĩ đến nhiều lời nói khôn ngoan của các ngôn sứ hoặc những lời khuyên được đưa ra trong các sách như Châm ngôn và Giảng viên. Thánh Kinh đưa ra một hướng dẫn về cuộc sống, cung cấp cho chúng ta những cách hành động thực tế nhằm có thể thực hiện trong thời đại của chúng ta.

7.4 Nghĩa Thần Bí / Cảnh Chung

Thánh Kinh cũng là một cuốn sách nói về những gì sắp xảy ra. Thánh Kinh không chỉ kể lại những sự kiện trong quá khứ mà còn nói cho chúng ta biết những lời hứa của Thiên Chúa cho tương lai. Những điều tương lai này (những điều *cánh chung*, nói theo

thuật ngữ thần học) là có thật trong câu chuyện về sự cứu độ các Kitô hữu giống như những sự kiện trong quá khứ: cái chết, sự phán xét, luyện ngục, thiên đường hay hỏa ngục. Chúa Giêsu loan báo cho chúng ta rằng Nước Trời sẽ giống như tiệc cưới (trong số nhiều hình ảnh khác nữa) và Ngài là chìa khóa để đến đó. (6a)

8. ĐỌC THÁNH KINH THẾ NÀO?

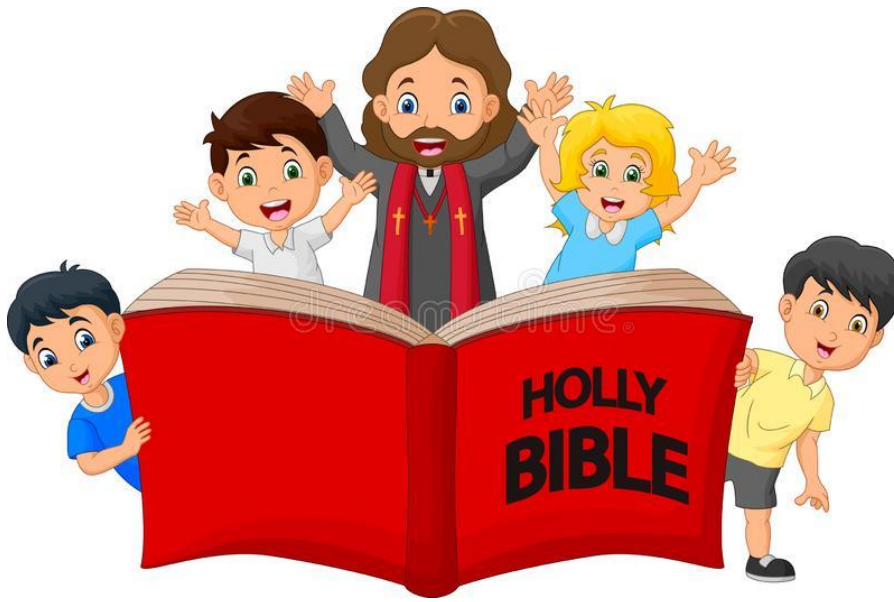
Thánh Kinh là lời Thiên Chúa nói với con người trong dòng lịch sử gần 2000 năm của dân tộc Do thái. Thánh Kinh còn là một ‘thư viện’, gồm 73 cuốn, được viết hơn 1000 năm. Như thế, chúng ta phải đọc Thánh Kinh thế nào?

8.1 Kinh Thánh không phải để đọc mà để lắng nghe

Chúng ta hãy đặt tin tưởng vào Chúa Thánh Thần, chính Ngài linh hứng cho các thánh ký viết ra những tác phẩm này. Hãy lắng nghe với tâm lòng yêu mến và cởi mở.

8.2 Đừng tìm kiếm bài học đạo đức

Đây không phải là quyển sách cung cấp cho chúng ta các quy luật đạo đức. Trọng tâm của Thánh Kinh là con người đi tìm Thiên Chúa và Thiên Chúa



mở lối cho con người. Vì thế mỗi trang là nhằm để hiểu và để thấy huyền ân của con người đấu tranh với huyền ân của Thiên Chúa

yêu thương. Và các hệ quả của nó...

8.3 Tìm kiếm Chúa Giêsu và nhìn thấy con người ở đó

Chúng ta đọc Thánh Kinh để hiểu Chúa Giêsu, Ngài là con người thật và là Thiên Chúa thật. Các bản văn Thánh Kinh cho thấy sự hoàn tựu và ý nghĩa của chúng trong con người của Chúa Giêsu.

Thánh Kinh cũng phải được hiểu như quyển sách của con người. Đây là quyển sách được viết bởi những con người nói về con người và lịch sử con người, cố gắng để hiểu nhân loại dưới ánh sáng của niềm tin trong Chúa. Tính nhân bản này là đáng ngạc nhiên. Đó là tính nhân bản của Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa làm người.

8.4 Đọc từng đoạn ngắn và đọc mỗi ngày

Chúng ta nên đọc những đoạn Thánh Kinh ngắn và đọc mỗi ngày để ngày sống của chúng ta được hướng dẫn bởi Lời Chúa. Đức Giáo Hoàng Phanxicô, trước giờ đọc kinh truyền tin ngày Chúa nhật 17/7/2022, ngài nói như sau: *“Mỗi ngày một đoạn, một đoạn Phúc Âm ngắn. Chúng ta hãy để cho mình được chất vấn bởi những trang sách đó, tự hỏi xem cuộc sống của chúng ta đang diễn tiến như thế nào, nó có theo những gì Chúa Giêsu nói không. Đặc biệt, chúng ta hãy tự hỏi: khi bắt đầu ngày mới, tôi có cắm đầu vào những việc phải làm, hay trước tiên tôi tìm kiếm sự soi dẫn nơi Lời Chúa? [...] Chúng ta phải bắt đầu ngày sống, trước hết, bằng việc ngắm nhìn Chúa, nhận lấy Lời Chúa, ngắn thôi, nhưng là nguồn linh hứng cho ngày sống.”* (6b)

8.5 Đọc cộng đoàn

Đọc một mình là chuyện tốt và quan trọng, nhưng đọc trong cộng đoàn cũng tốt và quan trọng. Đối diện và chia sẻ với người khác sẽ giúp chúng ta thăng tiến trên con đường nên thánh.

8.6 Học thuộc lòng những câu Thánh Kinh ngắn

Không những đọc Thánh Kinh, chúng ta còn phải viết và học thuộc lòng những câu Thánh Kinh ngắn. Chính những câu Thánh Kinh thuộc lòng sẽ đánh động và hữu ích cho chúng ta trong cuộc sống hằng ngày.

8.7 Luôn cầu nguyện

Đọc Kinh Thánh là một trải nghiệm tâm linh chứ không chỉ đơn giản là đọc một tác phẩm văn học khác. Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo nói này rõ ràng: *“Kinh nguyện phải đi đôi với việc đọc Thánh Kinh, để có sự đối thoại giữa Thiên Chúa và con người, vì “chúng ta ngỏ lời với Ngài khi cầu nguyện, và chúng ta nghe Ngài nói lúc chúng ta đọc các sách ngôn thần linh.” (GLCG 2653).*

Chúng ta phải cầu nguyện khi đọc Thánh Kinh. Trước, trong lúc và sau khi đọc. Cầu nguyện là dấu chỉ và sự hỗ trợ cho những ai muốn nghe Chúa. Lắng nghe và thực hành Lời Chúa dạy. Chúa Giêsu đã nói: *“Mẹ tôi và anh em tôi, chính là những ai nghe lời Thiên Chúa và đem ra thực hành.” (Lc 8,21)(6c)*

9. LECTIO DIVINA

Là một phương pháp đọc Thánh Kinh năng động và quy hướng về đời sống, đưa ra một khuôn khổ để đọc Thánh Kinh với lòng tin, cách kính cẩn và chân thành. Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, viết trong Tông thư *Bước vào thiên niên kỷ mới*, ngày 6.1.2001: *“Việc lắng nghe Lời Chúa cần phải trở nên một cuộc gặp gỡ đầy sức sống, theo truyền thống xa xưa nhưng vẫn còn hiện tại của lectio divina, cho ta rút ra từ bản*

văn Thánh Kinh một lời sống động, chất vấn, hướng dẫn và đào luyện cuộc sống.” (số 39).



Đức Giáo
Hoàng Biển Đức
XVI, trong diễn
văn ngày
16.9.2005 trước
Hội nghị quốc tế
họp tại Rôma về
Thánh Kinh trong
đời sống Giáo

Hội như sau: *“Tôi muốn đặc biệt nhắc lại và giới thiệu truyền thống lectio divina xa xưa: việc siêng năng đọc Thánh Kinh, có cầu nguyện kèm theo, thực hiện cuộc trò chuyện thân mật với Thiên Chúa, Đáng mà chúng ta nghe nói khi đọc, và chúng ta đáp lại khi cầu nguyện với một tâm hồn cởi mở và tín nhiệm. [...] Vậy việc mục vụ Thánh Kinh phải đặc biệt nhấn mạnh đến lectio divina và khuyến khích, nhờ dùng những phương pháp mới đã được nghiên cứu kỹ càng và hoàn toàn thích hợp cho thời đại chúng ta.”*

Lectio Divina được thực hành qua 4 bước: Đọc, Suy gẫm, Cầu nguyện và Chiêm niệm.

9.1 Đọc (Lectio)

Đọc một đoạn Thánh Kinh với tâm hồn khiêm nhường và tinh thần cầu nguyện. Đọc một cách chậm

rãi và chăm chú. Xem đoạn Thánh Kinh nói điều gì và những nhân vật hành động thế nào. Đoạn Thánh Kinh này gợi lên cho chúng ta những câu hỏi nào?

9.2 Suy gẫm (Meditatio)

Việc suy gẫm giúp chúng ta hiểu đoạn văn và thấy rõ hơn sự phong phú của đoạn văn, vì *“tất cả những gì viết trong Sách Thánh đều do Thiên Chúa linh hứng, và có ích cho việc giảng dạy, biện bác, sửa dạy, giáo dục để trở nên công chính.”* (2Tm 3,16)

Việc suy gẫm giúp nảy sinh những câu hỏi về những điều Thiên Chúa muốn nói với chúng ta. Và chúng ta cũng tự hỏi, tại sao Chúa Giêsu đã làm, đã hỏi như thế? Dành thời gian tĩnh lặng, lắng tai và nghe Người trả lời.

9.3 Oratio (Cầu nguyện)

Cầu nguyện là cuộc nói chuyện giữa Thiên Chúa với chúng ta. Khi cầu nguyện, chúng ta đáp lại ân sủng mà lời Thiên Chúa đã chiếu xuống trên đời sống của chúng ta. Đây là lúc chúng ta giải bày trước mặt Chúa những điều xảy ra trong đời sống của chúng ta cũng như của cộng đồng. Chúng ta nói gì với Chúa?

9.4 Chiêm niệm (Contemplatio)

Chiêm niệm cho ta cơ hội sống một thời gian hiệp thông thân mật với Chúa. Tận hưởng sự hiện diện của

Chúa để cảm nghiệm việc Chúa yêu thương chúng ta thế nào.

Và rồi, chúng ta tự hỏi: Chúa yêu cầu chúng ta phải hành động thế nào trong cuộc sống?

Mẹ Maria là mẫu gương lý tưởng cho chúng ta noi theo. Mẹ “*hằng ghi nhớ tất cả những điều ấy, và suy đi nghĩ lại trong lòng.*” (Lc 2,19). Mẹ đã sống cuộc đời tận hiến cho Thiên Chúa với tất cả tâm hồn và thể xác đến hơi thở cuối cùng. (6d)

10. PHÂN ĐOẠN VÀ CÂU

Kỹ thuật phân đoạn (chương) và đánh số câu trong mỗi đoạn cho Thánh Kinh như hiện nay không dựa trên truyền thống bản văn cổ đại, mà là một phát kiến thời trung cổ.

Giám mục Stephen Langton, Tổng giám mục Cantobury († 1228) được cho là người đầu tiên phân đoạn cho ấn bản Vulgate của Thánh Kinh vào năm 1205. Sau đó, trong thập niên 1400, kỹ thuật này được ứng dụng cho các bản sao tiếng Hy Lạp của Tân Ước.

Robert Estienne, nhà nhân văn người Pháp và là thợ in nổi tiếng, đã thực hiện vào năm 1551 việc phân chia hiện nay thành các câu của Tân Ước, và năm 1555 với toàn bộ Thánh Kinh ấn bản Latinh. Từ đây

về sau, tất cả các bản Thánh Kinh đều sử dụng hệ thống phân chia chương và câu này. (7)

11. MÁY IN

Giữa thế kỷ 15, Johannes Gutenberg (1389 – 1468) người Đức, đã phát triển máy in.



Sản phẩm chính của ông là **Kinh thánh Gutenberg** (1455) là bản in đầu tiên của Thánh Kinh đã được hoan nghênh vì chất lượng kỹ thuật và thẩm mỹ cao cùng giá cả thấp.

Cuốn Thánh Kinh đầu tiên được in với các chương và câu

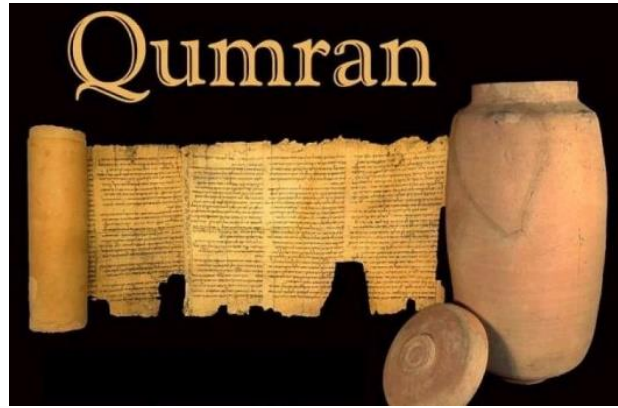
Cuốn Thánh Kinh được in đầu tiên hoàn toàn bao gồm sự phân chia thành các chương và câu sẽ được gọi là Thánh Kinh Geneva, ra đời vào năm 1560 ở Thụy Sĩ. Các nhà xuất bản Thánh Kinh Geneva đã chọn các chương của Étienne Langton và các câu của Robert Estienne, ý thức được tính hữu ích to lớn của chúng để ghi nhớ, định vị và so sánh các đoạn Thánh Kinh.

Vào năm 1592, Đức Thánh Cha Clémentê VIII đã cho xuất bản một phiên bản Thánh Kinh mới bằng tiếng Latinh để sử dụng chính thức trong Giáo hội Công giáo, bao gồm việc phân chia thành các chương,

câu hiện nay và được sử dụng rộng rãi như hiện nay.(8)

12. KHẢO CỔ QUMRAN

Vào mùa đông của năm 1947, có ba mục đồng của bộ lạc Bedouin (bộ lạc những người du mục nói tiếng Ả rập) từ Bêthlêhem đã dẫn các



đàn cừu và dê xuống gần Biển chết để kiếm thức ăn. Họ đi tìm con dê đi lạc và khám phá ra những hang động chứa các bình gốm có nhiều bản thảo Thánh Kinh và các thứ khác tại Khirbet Qumran hay gọi tắt là Qumran. Đây là khám phá về Thánh Kinh lớn nhất của thế kỷ thứ XX.

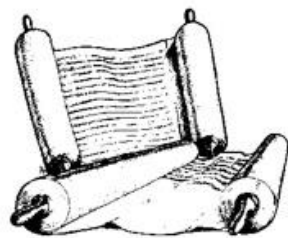
Có nhiều thứ được tìm thấy trong 11 hang được khám phá ở Qumran, như các bình, chum, tiền đồng... Nhưng thứ quan trọng nhất là các cuộn bản thảo (nghĩa là những bản chép tay đóng thành cuộn) được viết bằng tiếng Hípri, Aram, và Hylạp, ba ngôn ngữ Thánh Kinh. Gần khoảng 972 cuộn bản thảo được chép từ khoảng 300 năm tCN tới năm 70 sCN với khoảng 50.000 mảnh, trong đó có nhiều mảnh không lớn hơn con tem. Trong đó có hơn 200 cuộn thuộc các tác phẩm Cựu Ước, được tìm thấy trong tình trạng rất

tốt, mặc dù nó có niên đại cổ hơn bất kỳ bản thảo trước đó. Những bản thảo này cung cấp các bằng chứng phong phú giúp con người xác nhận văn bản Cựu Ước là chính xác cách đáng kinh ngạc.

Nhìn vào danh sách những bản thảo Thánh Kinh được khám phá tại Qumran và những nơi khác mới thấy khám phá này quan trọng thế nào.

Dead Sea Scrolls

Các bản sao cũ nhất



← Chủ yếu là không có sự thay đổi nào qua 1000 năm sao chép →



100 BC

900 AD

Thánh vịnh: **Qumran: 37 ; nơi khác: 3 ; tổng số: 40**
 Đệ nhị luật: tại Qumran: 36 ; nơi khác: 3 ; tổng số: 39
 Sáng thế: tại Qumran: 21 ; nơi khác: 4 ; tổng số: 25
 Isaia: tại Qumran: 21 ; nơi khác: 1 ; tổng số: 22
 Xuất hành: tại Qumran: 19 ; nơi khác: 1 ; tổng số: 20
 Lêvi: tại Qumran: 17 ; nơi khác: 2 ; tổng số: 19
 Đanien: tại Qumran: 10 ; nơi khác: 0 ; tổng số: 10
 Dân số: tại Qumran: 8 ; nơi khác: 3 ; tổng số: 11
 12 Ngôn sứ nhỏ: Qumran: 8 ; nơi khác: 2 ; tổng số: 10
 Giêrêmia: tại Qumran: 7 ; nơi khác: 0 ; tổng số: 7
 Edêkien: tại Qumran: 6 ; nơi khác: 0 ; tổng số: 6
 Gióp: tại Qumran: 6 ; nơi khác: 0 ; tổng số: 6
 Tôbia: tại Qumran: 5 ; nơi khác: 0 ; tổng số: 5

1-2 Samuen: tại Qumran: 4 ; nơi khác: 0 ; tổng số: 4

Rút: tại Qumran: 4 ; nơi khác: 0 ; tổng số: 4

Diễm ca: tại Qumran: ca 4 ; nơi khác: 0 ; tổng số: 4

Aica: tại Qumran: 4 ; nơi khác: 0 ; tổng số: 4

Thủ lãnh: tại Qumran: 3 ; nơi khác: 0 ; tổng số: 3

1-2 Các vua: tại Qumran: 3 ; nơi khác: 0 ; tổng số: 3

Giôsuê: tại Qumran: 2 ; nơi khác: 0 ; tổng số: 2

Châm ngôn: tại Qumran: 2 ; nơi khác: 0 ; tổng số: 2

Giảng viên: tại Qumran: 2 ; nơi khác: 0 ; tổng số: 2

Étra: tại Qumran: 1 ; nơi khác: 0 ; tổng số: 1

1-2 Sử biên niên: Qumran: 1 ; nơi khác: 0 ; tổng số: 1

Nơkhemia: tại Qumran: 1 ; nơi khác: 0 ; tổng số: 1

Étte: tại Qumran: 0 ; nơi khác: 0 ; tổng số: 0

Tổng cộng: Qumran: 232 ; nơi khác: 19 ; tổng số: 251

Nếu theo quy điển Kinh Thánh Cựu Ước của Giáo hội Công giáo thì chỉ có các sách Étte, 1-2 Macabê là không có mặt trong các Cuộn Bản thảo Biển chết.

Hầu hết các Cuộn Sách Biển Chết (Dead Sea Scrolls) là các bản sao của các sách Cựu Ước có niên đại thuộc thời kỳ Đền thờ Đệ nhị, từ năm 250-150 tCN hoặc cổ hơn cho đến khi Qumran bị phá hủy vào năm 68 sCN. Có rất nhiều tác phẩm được tìm thấy trong tình trạng rất tốt. Nhưng phát hiện quan trọng nhất là đã phát hiện nhiều bản sao đầu tiên các sách trong Cựu Ước.

Điều này vô cùng quan trọng bởi nó xác nhận niềm tin của những người Do thái và Kitô hữu rằng những quyển sách làm nên Kinh Thánh Do thái / Cựu Ước có nguồn gốc cổ đại, và rằng những bản copy của thời trung cổ được bắt nguồn từ những bản văn tồn tại hàng thế kỷ tCN. *(Trước khi những Cuộn Bản thảo Biển chết được khám phá, thì những bản văn Thánh Kinh Cựu Ước cổ nhất còn tồn tại mà chúng ta biết được là Bản văn Masorét (MT), có niên đại khoảng năm 980 sCN. Bản chép tay Cựu Ước hoàn chỉnh đầu tiên còn tồn tại, đó là bản Codex Leningradensis (1009 sCN); các ấn bản Cựu Ước hiện nay chủ yếu dựa trên Codex Leningradensis (4th: BHS [‘Stuttgartensia’]- 1977) (9)*

13. VÀI ĐIỀU THÚ VỊ VỀ THÁNH KINH

* Câu dài nhất trong Thánh Kinh là câu 9, chương 8 của sách Êtê.

“⁹ Các ký lục nhà vua được triệu đến. Lúc đó là tháng thứ ba, tức là tháng Xi-van, ngày hai mươi ba. Theo đúng lệnh của ông Moóc-đo-khai, họ soạn thảo công văn gửi cho người Do-thái, cho các thủ hiến, các tổng đốc và các quan chức các miền từ Ấn-độ cho đến Ê-thi-óp. Có một trăm hai mươi bảy miền, miền nào theo chữ viết của miền ấy, dân nào theo tiếng nói của dân ấy, người Do-thái theo chữ viết và tiếng nói của họ.” (NPD CGKPV)

* Chương dài nhất là Thánh Vịnh 119 có 176 câu; chương ngắn nhất là Thánh Vịnh 117.

“₁ Muôn nước hỡi, nào ca ngợi Chúa, ngàn dân ơi, hãy chúc tụng Người!

₂ Vì tình Chúa thương ta thật là mãnh liệt, lòng thành tín của Người bền vững muôn năm. Halêluia.”

(Tv 117)

* Chương ngay giữa Thánh Kinh là Thánh Vịnh 117. Có 594 chương trước đó, và 594 chương ở sau.

* Sách ngắn nhất trong Thánh Kinh là Thư mục vụ thứ ba của Gioan. Thư thứ hai của Gioan có số câu ít hơn nhưng có nhiều từ hơn.

* Có cả thảy 773.692 từ trong Thánh Kinh (bản King James tiếng Anh).

* Câu ngắn nhất trong Thánh Kinh là Phúc Âm Gioan 11,35 chỉ có 2 từ “Giêsu khóc”.

“₃₅ Đức Giê-su liền khóc.” (NPD CGKPV) [₃₅ And Jesus wept.]

* Từ dài nhất trong Thánh Kinh là “Mahershalalhashbaz” [(Hãy gọi tên nó là) Ma-he Sa-lan Khát Bát], [(Belonging to) Maher-shalal-hash-baz] được tìm thấy trong câu 1 và 3 của chương 8 sách Isaia.

* Trong Thánh Kinh có hai chương có nội dung tương tự nhau là 2 Các Vua 19 và Isaia 37. (14 câu đầu của mỗi chương giống nhau từng chữ theo bản dịch Anh ngữ King James).

* Toàn bộ Thánh Kinh có 1.189 chương (929 chương trong Cựu Ước và 260 chương trong Tân Ước).

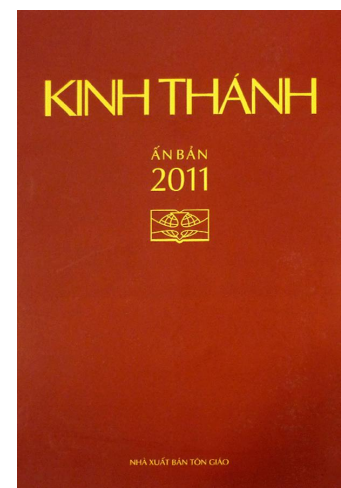
* Trong Thánh Kinh theo bản King James không có câu nào chứa đựng tất cả mẫu tự trong bảng chữ cái (alphabet), nhưng câu 21, chương 7 của sách Êdêkien có hầu như tất cả, chỉ thiếu mẫu tự : “J”, còn Đanien 4,37 chỉ thiếu mẫu tự “Q”.

* Danh xưng “YHWH” (Giavê / Giêhôva) xuất hiện gần 7000 lần trong cả Cựu Ước và Tân Ước. (10)

[Kinh Koran có 114 chương, 6236 tiết được thiên sứ Gáprien mạc khải cho ngôn sứ Muhammad (570 – 8 tháng 6. 632).]

14. THÁNH KINH TIẾNG VIỆT

Không kể đến các bản dịch Thánh Kinh từng phần, như của ông Mai Lâm Đoàn Văn Thăng, của linh mục An Sơn Vị hay linh mục Trần Văn Kiệm, v.v....Nay có 6 bản dịch toàn bộ Thánh Kinh do các tác giả Công Giáo thực hiện:



14.1 Cố Chính Linh (Albertus Schlicklin) (1913-1916) thừa sai thuộc Hội Truyền Giáo Paris (MEP), là người đầu tiên dịch toàn bộ Thánh Kinh ra tiếng Việt.

Trang tên sách ghi : Kinh Thánh cứ bản Vulgata. Cố Chính Linh (Albertus Schlicklin) địa phận Tây Đàng ngoài dịch ra tiếng Annam và thích nghĩa. Bộ này gồm 4 cuốn khổ 18 x 24 cm, với 768, 736, 652 và 894 trang. Sách có chuẩn ấn của Đức Cha P.M. Gendreau (Đức Cha Đông) ký tại Hà Nội ngày 19-03-1913, và in năm 1913-1916 tại Hồng Kông ở nhà in Nazareth của Hội Truyền Giáo Paris.

14.2 Cha Gérard Gagnon (cha Nhân), Dòng Chúa Cứu Thế (1962-1963)

Bản dịch này xuất bản tại Đà Lạt vào những năm 1962-63, in khổ nhỏ 10 x 15 cm, gồm 5 tập : Ngũ Thư, Lịch Sử, Triết Minh, Tiên Tri và Tân Ước.

14.3 Cha Trần Đức Huân (1970)

Bản Kinh Thánh Cựu Tân Ước dịch theo bản Phổ thông này của linh mục Đ.M. Trần Đức Huân, do tủ sách Ra Khơi xuất bản năm 1970, tại Sài-gòn. Đây là bản dịch toàn bộ Kinh Thánh đầu tiên do một linh mục người Việt thực hiện. Sách dày khoảng 2200 trang khổ 15 x 21 cm ; ở đầu có phần “Dẫn vào Kinh

Thánh” chừng 25 trang, sau đó là bản dịch các sách, với một nhập đề ngắn cho mỗi sách, và những chú thích ngắn ở cuối mỗi trang.

14.4 Cha Nguyễn Thế Thuấn (1976)

Đây là bản dịch tiếng Việt đầu tiên được thực hiện từ nguyên ngữ Híp-ri, A-ram và Hy-lạp, khác với những bản dịch từ tiếng La-tinh (cố Chính Linh, cha Huân)... Dịch giả là cha Nguyễn Thế Thuấn, Dòng Chúa Cứu Thế, giáo sư Kinh Thánh. Cha đã in cuốn Tân Ước năm 1969 và sắp hoàn thành phần Cựu Ước thì qua đời năm 1975. Một số thân hữu và môn sinh đã hoàn chỉnh và Dòng Chúa Cứu Thế xuất bản tại Tp. Hồ Chí Minh năm 1976. Cuốn Kinh Thánh này dày tổng cộng 3014 trang khổ 14 x 20cm.

14.5 Đức Hồng Y Trịnh Văn Căn (1985)

Cuốn Thánh Kinh này do Đức Hồng Y G.M. Trịnh Văn Căn thực hiện, Toà Tổng Giám mục Hà Nội xuất bản năm 1985, dày 2362 trang. Có nhập đề văn tắt ở đầu mỗi loại sách và mỗi cuốn sách, nhưng gần như không có chú thích (trừ một ít chỗ như trang 153, 2047, v.v...).

Bản dịch dùng lối văn bình dân, dễ hiểu, nghe xuôi, nhưng nhiều chỗ dịch khá thoáng, chưa lột được hết ý của nguyên văn.

14.6 Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ (1998)

Đây là công trình dịch toàn bộ Kinh Thánh đầu tiên do một tập thể thực hiện. Các dịch giả gồm linh mục dòng triều, tu sĩ nam nữ và giáo dân, với những khả năng chuyên môn khác nhau (về Kinh Thánh, thần học, phụng vụ, mục vụ, thánh nhạc, văn chương, v.v....). Nhóm này hình thành từ năm 1971 và bắt đầu bằng việc phiên dịch sách Các Giờ Kinh Phụng Vụ, do đó mang tên là Nhóm Phiên Dịch CGKPV. Sau đó Nhóm dịch các bài đọc thánh lễ Chúa nhật và đại lễ, rồi dịch Tân Ước, và sau cùng dịch và chú thích toàn bộ Kinh Thánh.

Nhóm đã cố gắng theo những đường hướng sau đây :

1. Dịch Kinh Thánh từ nguyên văn Híp-ri, A-ram hoặc Hy-lạp, có đối chiếu với bản dịch La-tinh.

2. Đường lối phiên dịch là làm việc tập thể theo tổ : trong mỗi tổ luôn luôn có chuyên viên Kinh Thánh và một số người khác.

3. Mục tiêu là nhằm cung cấp một bản dịch vừa đúng ý nguyên văn, vừa xuôi tiếng Việt và dễ hiểu.

Sau một thời gian dài, Thánh Kinh trọn bộ với chú thích ngắn được in vào năm 1998. (11)

Ấn bản Thánh Kinh trọn bộ của Giáo Hội Tin lành được in năm 1926 tại Hà Nội với học giả Phan Khôi dịch dưới sự chỉ đạo của vợ chồng mục sư William C. Cadman và Grace Hazenberg Cadman - bà Cadman chuyên ngành tiếng Hebrew và tiếng Hy Lạp, hai ngôn ngữ được sử dụng để viết Cựu Ước và Tân Ước.

15. CÁC NGÔN NGỮ

Nhân dịp Ngày Quốc tế Dịch thuật, thần học gia Alexander Markus Schweitzer đã bày tỏ về những thách đố liên quan đến việc dịch Thánh Kinh: Hơn 7.100 ngôn ngữ được nói trên thế giới, thì có hơn 3.700 ngôn ngữ, bao gồm cả ngôn ngữ ký hiệu, chưa có bản dịch Kinh Thánh.

Hiện nay, Kinh Thánh trọn bộ đã được dịch sang 700 ngôn ngữ, và hơn 1.500 ngôn ngữ có bản dịch Tân Ước. (12)

Theo số liệu thống kê năm 2019, Thánh Kinh trọn bộ hoặc một phần, kể từ năm 1815, ước tính có khoảng hơn 5 tỷ ấn bản Thánh Kinh được xuất bản trở nên sách bán chạy nhất trong mọi thời đại.

Nguyễn Thái Hùng
2022

Ghi chú

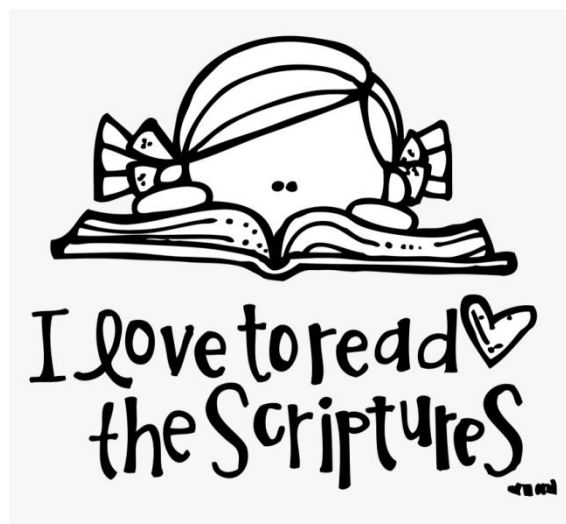
- (1) <https://www.simonhoadalat.com/HOCHOI/MucVu/25ThanhKinh-KinhThanh.htm>
- (2) <https://dcvphanxicoxavie.com/vn/Kinh-Thanh-Phung-Vu/Cac-Cuon-Ban-Thao-Bien-Chet-Lich-Su-Va-Nghia.html> và <https://vi.wikipedia.org/wiki/Tanakh>
- (3) <https://www.hdgmvietnam.com/chi-tiet/nguon-goc-ban-kinh-thanh-bay-muoi-lxx--42640> và <https://catechesis.net/thu-qui-kinh-thanh-va-viec-luu-truyen-ban-van/>
- (4) <https://catechesis.net/thu-qui-kinh-thanh-va-viec-luu-truyen-ban-van/>
- (4a) <https://tinmungmoingay.com/thanh-kinh-nhap-mon-quyen-mot-p-gioi-thieu-va-cac-khai-niem-thanh-kinh-hien-lam/>
- (5) <https://tgpsaigon.net/bai-viet/tong-thu-long-yeu-men-kinh-thanh-cua-dgh-phanxico-63032>
- (6) (<https://catechesis.net/thu-qui-kinh-thanh-va-viec-luu-truyen-ban-van/>)
- (6a) <https://hdgmvietnam.com/chi-tiet/bon-cach-doc-kinh-thanh-nguoi-cong-giao-can-biet-41366>
- (6b) <https://www.vaticannews.va/vi/pope/news/2022-07/dtc-phanxico-kinh-truyen-tin-moi-ngay-doc-mot-doan-phuc-am-ngan0.html>
- (6c) <https://dcvphanxicoxavie.com/vn/Kinh-Thanh-Phung-Vu/Lam-The-Nao-Doc-Kinh-Thanh-Ma-Khong-Chan.html>
- (6d) Nhóm PDCGKPV, *Đọc Tin mừng Chúa Nhật theo Lectio Divina, Năm A: Mátthêu*, nxb Tôn Giáo 2010, p 5-12
- (7) <http://daminhrosalima.net/khac/ai-da-phan-chia-kinh-thanh-thanh-chuong-va-cau-36186.html>
- (8) <http://daminhrosalima.net/khac/ai-da-phan-chia-kinh-thanh-thanh-chuong-va-cau-36186.html>
- (9) <https://dcvphanxicoxavie.com/vn/Kinh-Thanh-Phung-Vu/Cac-Cuon-Ban-Thao-Bien-Chet-Lich-Su-Va-Nghia.html>
- (10) https://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_Th%C3%A1nh
- (11) <https://kctgkpv.org/articles/get-article?id=41>
- (12) <https://www.vaticannews.va/vi/church/news/2019-10/3700-ngon-ngu-cho-dich-kinh-thanh.html>



Thánh Kinh Những Điều Thú Vị 1-24

01. * Thánh Kinh là **một bộ sách** ghi lại những lời Thiên Chúa nói với con người.

* **Điều răn thứ nhất:** “Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi, đã đưa ngươi ra khỏi đất Ai-cập, khỏi cảnh nô lệ. Ngươi không được có thần nào khác đối nghịch với Ta.” (Xh 20,2-3)



02. * Thánh kinh là một bộ sách gồm có **2 phần:** Cựu Ước và Tân Ước.

* Vua Hêrôđê sai người đi giết tất cả các con trẻ ở Bêlem và toàn vùng lân cận, từ **hai tuổi** trở xuống, tính theo ngày tháng ông đã hỏi cận kề các nhà chiêm tinh. (Mt 2,16)

* **Hai người con** của ông Dêbêđê: Giacôbê và Gioan. (Mt 4,21)

* **Hai anh em ruột:** Ông Phêrô và ông Anrê. (Mc 1,16-20)

* **Hai người con của ông Simôn,** người vác thập giá cho Chúa Giêsu: Alêxandê và Rупhô. (Mc 15,21-22)

* “Năm con chim sẻ chỉ bán được **hai hào**, phải không?” (Lc 12,6)

* Trước giờ Thầy bị bắt, các môn đệ nói với Chúa Giêsu: “Lạy Chúa, đã có **hai thanh gươm** đây.” (Lc 22,37-38)

* **Hai người con của tổ phụ Ixaác**: Exau và Giacóp. (St 25,19-27)

* **Hai người con của bà Rakhen** với ông Giacóp: Giuse và Bengiamin. (St 35,23-26)

03. * Các nhà chiêm tinh dâng cho Hài Nhi Giêsu **ba lễ vật**: Vàng, nhũ hương và mộc dược. (Mt 2, 11)

* Cha mẹ **lạc mất Chúa Giêsu 3 ngày**. (Lc 2 46)

* **Cây vả** đã trồng **3 năm** không ra trái. (Lc 13,6-9)

* Chúa Giêsu chết **ngày thứ ba** phục sinh. (Mt 17,22-23)

* Chúa Giêsu dạy cho chúng ta biết: Mâu nhiệm một Chúa **Ba Ngôi**. (Mt 28,16-20 ...)

* 3 người con của ông **Ăđam và bà Evà**: Cain, Aben và Sết. (St 4,1-2. 25)

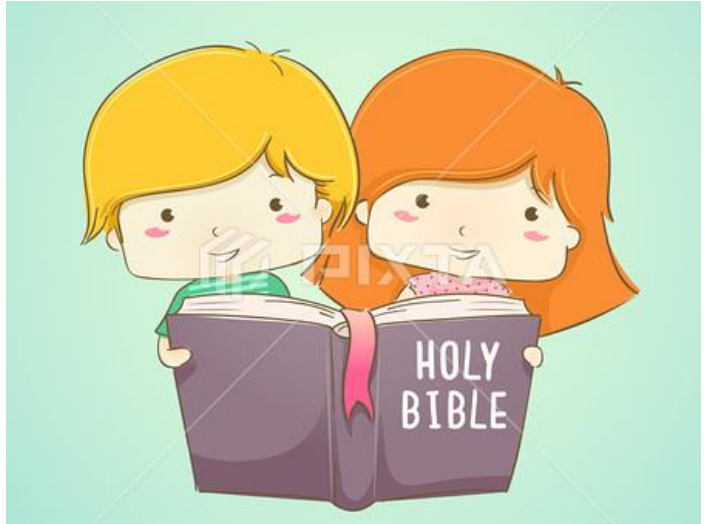
* “Mỗi năm **ba lần**, tất cả đàn ông con trai của anh (em) phải đến trình diện Đức Chúa, ở nơi Người chọn: vào dịp lễ Bánh Không Men, lễ Ngũ Tuần và lễ Lều.” (Đnl 16,16)

04. * Tân Ước có **4 Tin Mừng**: Mátthêu, Máccô, Luca và Gioan.

* **4 môn đệ** đầu tiên được Chúa Giêsu kêu gọi: Ông Simôn, ông Anrê, ông Giacôbê và ông Gioan. (Mc 1,16-20)

* Chúa Giêsu **chữa người bại liệt** có bốn người khiêng. (Mc 2,1-12)

* Sau khi gặp được Chúa Giêsu, ông Giakêu nói: “Thưa



Ngài, đây phân nửa tài sản của tôi, tôi cho người nghèo; và nếu tôi đã chiếm đoạt của ai cái gì, tôi xin đền **gấp bốn**.” (Lc 19,4)

* **Ladarô chết** được bốn ngày được Chúa Giêsu làm cho sống lại. (Ga 11,39)

* Con cá thánh Phêrô câu được đầu tiên, trong miệng nó có một **đồng tiền bốn quan**. “Anh hãy nộp thuế cho Thầy và cho anh.” (Mt 17,24-27)

* Trong dụ ngôn Người gieo giống, hạt giống được gieo vào **4 mảnh đất**: bên vệ đường, trên nơi sỏi đá, vào bụi gai, nơi đất tốt. (Mt 13,4-9)

* **4 người phụ nữ** đã sinh 12 con trai cho ông Giacóp: bà Lêa, bà Rakhen, bà Binha, nữ tỳ của bà Rakhen và bà Dinpa, nữ tỳ của bà Lêa. (St 35,23-26)

* Bộ Ngũ Kinh được hình thành bởi **4 truyền thống** sau: Truyền thống: E (viết tắt chữ Êlôhim), J (viết tắt chữ Javeh, Giavê), P (viết tắt chữ Priest, tư tế) và D (viết tắt chữ Deutoronomy, luật thứ hai).

05. * Gia phả Chúa Giêsu theo thánh Mátthêu có **5 người nữ**: bà Tama, Rakháp, Rút, vợ ông Urigia và Mẹ Maria. (Mt 1,1-17)

* Chúa Giêsu dùng **5 chiếc bánh** và 2 con cá trong phép lạ Bánh hóa ra nhiều lần thứ nhất. (Mt 14,13-21)

* Trong dụ ngôn Khách được mời xin kiêu, có người mới tậu **năm cặp bò** nên phải đi thử. (Lc 14,15-20)

* Trong dụ ngôn Mười cô trinh nữ, có **năm cô dại** và **năm cô khôn**. (Mt 25,1-13)

* Trong dụ ngôn Những yến bạc, ông chủ giao cho người này **năm yến**, người kia hai yến, người khác nữa một yến, tùy khả năng riêng mỗi người. (Mt 25,14-30)

* Luật về lấy trộm thú vật: “Nếu có ai lấy trộm chiên bò, rồi làm thịt hoặc đem bán, thì sẽ lấy **năm con bò** đền một, và bốn con chiên đền một.” (Xh 21,37)

* Ông Tôbít, con ông Tôbiên, cháu ông Khananên, chắt ông Ađuên, cháu ba đời ông Gabaên,

cháu bốn đời ông Raphaen, **cháu năm đời** ông Raguên. Ông thuộc chi tộc Nápтали. (Tb 1,1)

* Ngũ Kinh có **5 cuốn sách**:

1. Sáng thế,
2. Xuất hành,
3. Lê vi,
4. Dân số,
5. Đệ nhị luật.

06. * “Bà Êlisabét có thai được **sáu tháng**, thì Thiên Chúa sai sứ thần Gáprien đến một thành miền Galilê, gọi là Nadarét, gặp một trinh nữ đã thành hôn với một người tên là Giuse, thuộc dòng dõi vua Đavít. Trinh nữ ấy tên là Maria.” (Lc 1,26)

* Tại tiệc cưới Cana có **6 chum** nước được hóa thành rượu ngon. (Ga 2,1-12)

* Trong sự kiện Đức Giêsu **hiển dung** có 6 nhân vật: Đức Giêsu, ông Môsê, ông Êlia, ông Phêrô, ông Gioan và ông Giacôbê. (Mt 17,1-8)

* Trình thuật Đức Giêsu chữa một phụ nữ còng lưng ngày sa-bát, ông trưởng hội đường nói: “Đã có **sáu ngày** để làm việc, thì đến mà xin chữa bệnh những ngày đó, đừng có đến vào ngày sa-bát!” (Lc 13,10-17)

* “Khi Con Chiên **mở ần thứ sáu**, có động đất mạnh. Mặt trời tối đen như vải thợ dệt bằng lông, mặt trăng hoàn toàn ra như máu.” (Kh 6,12)

* Thiên Chúa sáng tạo vũ trụ và muôn loài **trong 6 ngày**. Ngày thứ bảy, Thiên Chúa nghỉ ngơi. (St 1,1-30)

* **Sáu người con** của ông Ápraham với bà vợ tên là **Cotura**: Dimran, Giócsan, Mođan, Mađian, Gítbác và Suác. (St 25,1-4)

* **6 con trai của bà Lêa** với ông Giacóp: Ruvên, con đầu lòng, rồi đến Simêôn, Lêvi, Giuđa, Ítxakha và Dovulun. (St 35,23-24)

07. * Kinh Lạy Cha có **7 lời nguyện**. (Mt 6,7-13)

* Bà Maria Mácdala được Chúa Giêsu trừ cho khỏi **bảy quỷ**. (Mc 16,9)

* Nữ ngôn sứ Anna, từ khi xuất giá, bà đã sống với chồng được **bảy năm**. (Lc 2,36-38)

* “Thầy không bảo là đến **bảy lần**, nhưng là đến bảy mươi lần **bảy**.” (Mt 18,22)

* Trong lần Chúa Giêsu hoá bánh ra nhiều lần thứ hai, Ngài cầm **bảy chiếc bánh** và mấy con cá nhỏ ... (Mt 15,32-39)

* Tân ước có **7 thư** của các tông đồ: Thư 1, 2 và 3 Gioan, 1 và 2 Phêrô, Giacôbê và thư Giuđa.

* Sách Khải Huyền: thánh Gioan gửi thư cho **7 giáo đoàn, 7 ấn ...**

* Giấc mộng của vua Pharaô có **7 con bò và 7 bông lúa.** (St 41,1-7)

* Hòm Bia Giao Ước được rước quanh thành Giêrikhô **bảy ngày** trước khi thành bị sụp đổ. (Gs 6,1-16)

* Vì yêu Rakhen, Giacóp phục vụ cậu **bảy năm** để được cưới nàng. (St 29,15-30)

* Các sách **giáo huấn** của Cựu Ước gồm có **7 cuốn:**

1. Gióp,
2. Thánh vịnh,
3. Châm ngôn,
4. Giảng viên (còn gọi là Qôhêlét),
5. Diễm ca,
6. Khôn ngoan,
7. Huấn ca (còn gọi là Ben Sirach).

* Người Do thái và Tin lành không nhận **7 cuốn sách** này vào Sách Thánh là: Barúc, Tôbia, Giuditha, 1-2 Macabê, Khôn ngoan, và Huấn ca.

08. * Khi con trẻ được **tám ngày**, họ đến làm phép cắt bì, và đặt tên cháu là Gioan. (Lc 1,59-60)

* Khi Hải Nhi được đủ **tám ngày**, nghĩa là đến lúc phải làm lễ cắt bì, người ta đặt tên cho Hải Nhi là Giêsu. (Lc 2,21)

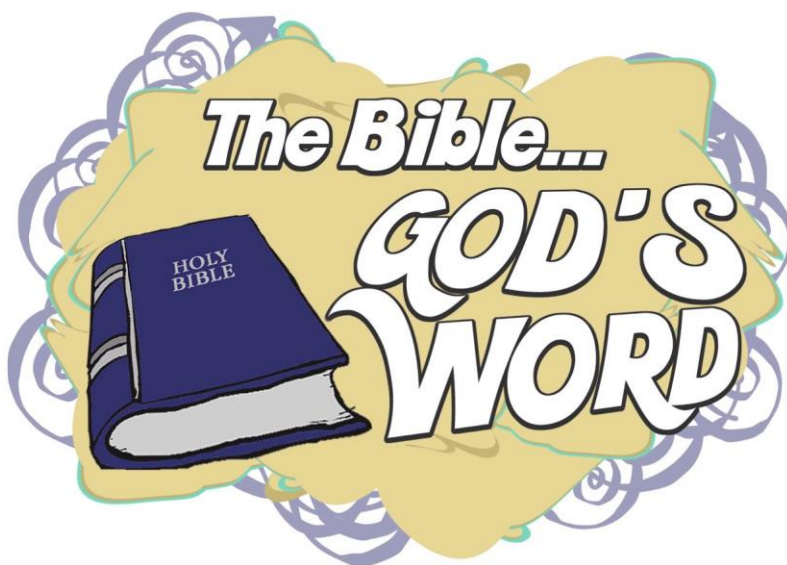
* **Tám Mối Phúc** được Chúa Giêsu giảng dạy. (Mt 5,1-10)

* **8 lời khiển trách** của Chúa Giêsu với các kinh sư và người Pharisêu: “Khốn cho các người, hỡi các kinh sư và người Pharisêu giả hình!” (Mt 23,13-32)

* Anh Ênê liệt giường đã **tám năm**, được thánh Phêrô chữa khỏi tại Lốt. (Cv 9,32-35)

* Ông Giesê, thân phụ của Đavít, người Épratha ở Bêlem thuộc Giuđa; ông có **tám người** con trai. (1Sm 17,12)

* Sau khi giành lại đền thờ Giêrusalem, ông Giuđa Máccabê cùng với mọi người thanh tẩy và cung hiến Đền thờ. Họ cử hành lễ cung hiến bàn thờ trong **tám ngày** liên tục, hoan hỷ dâng lễ toàn thiêu, hy lễ hiệp thông và tạ ơn. (Mcb 4,36-61)



09. * “Chín người kia đâu?”
Chín người phung hủi đã không trở lại để cảm ơn Chúa. (Lc 17,11-18)

* Vào **giờ thứ chín**, Chúa Giêsu chết trên thập giá. (Mc 15,33-39)

* Khi đọc kinh **giờ chín** tại nhà, ông Conêliô đã nhìn thấy sứ thần của Thiên Chúa. (Cv 10,30-33)

*Thánh Gioan nhìn thấy **nền móng thứ chín** của thành Giêrusalem mới bằng hoàng ngọc. (Kh 21,20)

* Mỗi cái bánh tiến dâng Đức Chúa sẽ là **chín lít bột**. (Lv 24,5)

* Đức Chúa phán với ông Môsê rằng: Nếu ai muốn giữ trọn lời khấn hứa dâng một người cho Đức Chúa, thì phải định giá như sau: Nếu là phái nam từ hai mươi đến sáu mươi tuổi, thì phải định giá là mười lăm lượng bạc, tính theo đơn vị đo lường của thánh điện; nếu là phái nữ, thì phải định giá là **chín lượng**. (Lv 27,1-3)

* “Ai dùng lòng bàn tay đong nước biển, lấy gang tay đo **chín tầng trời**.” (Is 40,12)

* “Khi dâng mỗi con bò, thì phải dâng mười ba lít rưỡi tinh bột lúa miến nhào với dầu làm lễ phẩm; khi dâng con cừ đực độc nhất, thì phải dâng **chín lít tinh bột** lúa miến nhào với dầu làm lễ phẩm.” (Ds 28,12)

10. * 10 người phung hủ miền Samaria kêu xin Chúa Giêsu cứu giúp. (Lc 17,11-18)

* Hai người con ông Dêbêđê là Giacôbê và Gioan xin Chúa Giêsu cho một người được ngồi bên hữu, một người được ngồi bên tả Thầy, khi Thầy được vinh

quang. Nghe vậy, **mười môn đệ** kia đâm ra tức tối hai ông. (Mc 10, 35-41)

* Trong dụ ngôn Những yến bạc, yến bạc của người không sinh lợi được đưa cho người đã có **mười yến**. (Mt 25,14-30)

* Trong Dụ ngôn Đồng bạc bị đánh mất, người phụ nữ có **mười đồng quan**. (Lc 15,8-10)

* Trong Dụ ngôn người Pharisêu và người thu thuế, người Pharisêu tự hào dâng cho Chúa **một phần mười** thu nhập của mình. (Lc 18,9-14)

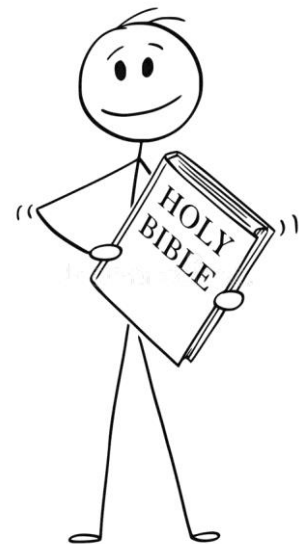
* Dụ ngôn **Mười trinh nữ** cầm đèn ra đón chú rể. (Mt 25,1-12)

* Thánh Gioan nhìn thấy Con Thú có bảy đầu **mười sừng**. (Kh 17,7)

* **Mười tai ương** đã đổ xuống trên người Ai cập: Nước biến thành máu, ếch nhái, muỗi, ruồi nhặng, ôn dịch, ung nhọt, mưa đá, châu chấu, cảnh tối tăm và các con đầu lòng của người Ai cập phải chết. (Xh 7,14-11,9)

* **10 Điều răn** mà Thiên Chúa đã trao cho dân Do thái tại núi Xinaï. (Xh 20,1-18)

* Các trẻ em Do-thái tại triều đình vua Nabucôđônôxo: Đanien, Khanania, Misaên và Adaria, các cậu trôi vượt về sự khôn ngoan và tài trí **gấp mười**



lần hơn tất cả các thầy phù thủy và pháp sư trong toàn vương quốc. (Đn 1,1-21)

* “Xưa các con chỉ nghĩ đến chuyện xa lìa Thiên Chúa, thì một khi trở về, các con phải nỗ lực gấp **mười** mà tìm kiếm Chúa.” (Br 4,28)

11. * Trong dụ ngôn Thợ làm vườn nho những người mới vào làm lúc **giờ mười một** tiến lại, và lãnh được mỗi người một quan tiền. (Mt 20,1-16)

* Làng Emmau, cách thành Giêrusalem chừng **mười một cây số**. (Lc 24,13)

* Ông Cólêôpát và người bạn, sau khi được Chúa Giêsu tỏ hiện, họ đứng dậy, quay trở lại Giêrusalem, gặp **Nhóm Mười Một** và các bạn hữu đang tụ họp tại đó. (Lc 24,13-33)

* **Mười Một** tông đồ chứng kiến việc Chúa Giêsu lên trời. (Mt 28,16-20)

* Trong việc chọn người thay thế Giuđa, **ông Mátthia** đã trúng thăm, và ông được kể thêm vào số **mười một Tông Đồ**. (Cv 1,15-26)

* Trong cuộc hành trình về miền Đất Hứa, từ núi Khô-rép đến Cađê Bắcnêa, qua đường núi Xêia, là **mười một** ngày đường. (Đnl 1,2)

12. * Năm **12 tuổi**, Chúa Giêsu ở lại Đền Thờ sau khi dự lễ Vượt Qua. (Lc 2,41-30)

* Chúa Giêsu chọn **12 tông đồ**: Simôn Phêrô, Giacôbê con ông Dêbêđê, và ông Gioan em ông, Anrê, Philípphê, Batôlômêô, Mátthêu, Tôma, Giacôbê con ông Anphê, Tađêô, Simôn thuộc nhóm Quá Khích, và Giuđa Ítcariôt. (Mc 3,13-19)

* Trong phép lạ **hóa bánh ra nhiều lần thứ nhất**, sau khi ăn xong, các môn đệ còn thu lại được **12 giỏ** đầy. (Mt 14,13,21)

* Người **phụ nữ bị băng huyết** đã **mười hai năm** được Chúa Giêsu chữa khỏi. (Mc 5,25-34)

* **Con gái ông Giaia** được Chúa Giêsu làm cho sống lại đã **12 tuổi**. (Mc 5,35-43)

* Một người Phụ Nữ, mình khoác mặt trời, chân đạp mặt trăng, và đầu đội triều thiên **mười hai ngôi sao**. (Kh 12,1)

* **12 người con** của ông Giapcóp: Ruvên, Simêôn, Lêvi, Giuđa, Ítxakha và Dôvulun; Giuse và Bengiamin; Đan và Náptali, và Gát và Asê. (St 35,23-26)

* **12 chi tộc** của dân Ítraen được chia đất khi vào Đất Hứa: Ruvên, Simêôn, Giuđa, Ítxakha, Dôvulun, Bengiamin, Đan, Náptali, Gát, Asê, Épraim và Monasê.

* Sách Thủ Lãnh (1-21) giới thiệu **12 khuôn mặt thủ lãnh**: Ông Ótniên, ông Êhút, ông Samga, bà Đovôra, ông Ghítôn, ông Tôla, ông Giaia, ông Gíptác, ông Ípxan, ông Êlôn, ông Ápdôn và ông Samsôn.

13. * 13 thư của thánh Phaolô: Rôma, 1-2 Côrintô, Galát, Êphêxô, Philípphê, Cômôxê, 1-2 Thêxalônica, 1-2 Timôthê, Titô và Philêmôn.

* Bài ca Đức mến của Thánh Phaolô nằm ở **chương 13**, thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô và **chương 13** này có **13 câu**.

* Thư thứ 2 của thánh Gioan có **13 câu**.

* Ítmaên, con ông Ápraham, được **mười ba tuổi** khi chịu cắt bì nơi bao quy đầu. (St 17,25)

* “Vua Salômôn xây dựng cung điện của mình mất **mười ba năm** mới xong.” (1V 7,1)

* Ông **Haman** soạn thảo sắc lệnh nhân danh vua Asuêrô và niêm phong bằng bửu ấn nhà vua, với mục đích là thủ tiêu, giết chết, tru diệt mọi người Do-thái từ trẻ đến già, cả thiếu nhi lẫn phụ nữ, nội trong một ngày, **ngày mười ba** tháng thứ mười hai, tức là tháng Ađar. Ngoài ra, sắc lệnh còn cho phép cướp của nữa. (Et 3,12-14)

14. * Gia phả của Chúa Giêsu theo thánh Mátthêu được chia làm 3 giai đoạn, mỗi giai đoạn gồm **14 đời**. (Mt 1,1-17)

* Trong cuộc hành trình đi Rôma, thuyền của thánh Phaolô bị bão trôi giạt **14 ngày**. (Cv 27,9-68)

* “Rồi sau **mười bốn năm**, tôi (Phalolô) lại lên Giêrusalem (để tham dự đại hội Giêrusalem) một lần nữa cùng với ông Banaba; tôi cũng đem theo anh Titô đi với tôi.” (Gl 2,1)

* Thánh Phaolô nói với tín hữu Côrintô: “Tôi biết có một người môn đệ Đức Kitô, trước đây **mười bốn năm** đã được **nhắc lên tới tầng trời thứ ba**. (2Cr 12,2)

* “Ông Môsê đã nhận món tiền chuộc số người dôi ra mà các người Lêvi không chuộc thay. Số bạc thu được của các trưởng nam trong số con cái Ítraen là **mười bốn ký**, tính theo đơn vị đo lường của thánh điện. (Ds 3,49-50)

* “**Ngày mười bốn** tháng giêng, sẽ cử hành lễ **Vượt Qua** kính Đức Chúa, và ngày mười lăm tháng ấy sẽ là một ngày lễ. Trong bảy ngày, người ta sẽ ăn bánh không men.” (Ds 28,16-17)

* Ghípôn, Rama, Boêrôt, Ha Mítpê, Cophira, Môtxa, Rekem, Giécpoên, Tarala, Xêla Haelép, Giovút, tức là Giêrusalem, Ghípát, Kiagiát - đó là **mười bốn thành** và làng mạc của các thành ấy-. Đó là phần gia nghiệp của con cái **Bengiamin**, chia theo các thị tộc của họ. (Gs 18,25-28)

* Ông **Raguên** đã làm tiệc cưới **mười bốn ngày** cho con gái là Xara với Tôbia. (Tb 10,8-9)

15. * Ông Gioan tẩy giả xuất hiện “**Năm thứ mười lăm** dưới triều hoàng đế Tibêriô, thời Phongxiô Philatô làm tổng trấn miền Giuđê.” (Lc 3,1-6)

* “Thả dây dò đáy biển, họ thấy sâu hai mươi sải; cách một quãng, họ lại thả dây dò lần nữa, thì thấy còn **mười lăm sải.**” (Cv 27,28)

* Trong thư gửi tín hữu Galát, thánh Phaolô tâm sự: “Ba năm sau tôi mới lên Giêrusalem diện kiến ông Kêpha, và ở lại với ông **mười lăm ngày.**” (Gl 1,18)

* Trong **bài ca Đức mến** của Thánh Phaolô, chúng ta thấy **15 đặc tính** của đức mến đích thực: Đức mến thì nhẫn nhục, hiền hậu, không ghen tương, không vênh vang, không tự đắc, không làm điều bất chính, không tìm tư lợi, không nóng giận, không nuôi hận thù, không mừng khi thấy sự gian ác, nhưng vui khi thấy điều chân thật. Đức mến tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả, hy vọng tất cả, chịu đựng tất cả. (1 Cr 13:4-7).

* Thư **thứ 3 của thánh Gioan** có **15 câu.**

* **Ngày mười lăm** tháng bảy là lễ Lều kính Đức Chúa, trong vòng bảy ngày. (Lv 23,34)

* **Vua Đavít** mua sên lúa của ông Arauna và xây một bàn thờ để kính Đức Chúa, hầu chấm dứt tai ương đang làm hại dân, và vua Đavít đã trả **mười lăm** lượng bạc. (2Sm 24,18-25)

* Ông **Xiva**, đây tở vua Saun, có **mười lăm con trai** và hai mươi tởi tở, được vua Đavít bảo: “Tất cả

những gì thuộc về vua Saun và thuộc về toàn thể nhà Saun, ta ban cho con trai của chủ người. Người, con cái người và tôi tớ người sẽ cày cấy đất đai cho ông ấy. Người sẽ thu hoạch và cái đó sẽ là lương thực cho con của chủ người ăn.” (2Sm 9,9-13)

* “**Đền vua Salômôn** xây kính Đức Chúa dài ba mươi thước, rộng mười thước và **cao mười lăm thước.**” (1V 6,2)

* Ngôn sứ Hôsê đã bỏ ra **mười lăm đồng bạc**, ba mươi thùng lúa mạch, để mua nàng về. (Hs 3,2)

16. * Tin mừng thánh Máccô có 16 chương.

* Thư thánh Phaolô gửi tín hữu Rôma có **16 chương.**

* Cựu ước có **16 sách lịch sử:**

1. Giôsuê, 2. Thủ lãnh, 3. Rút,
4. 1 Samuen, 5. 2 Samuen,
6. 1 Vua, 7. 2 Vua, 8. 1 Sử biên niên, 9. 2 Sử biên niên,
10. Étra, 11. Nokhemia, 12. Tôbia,
13. Giuđitha, 14. Étte, 15. 1 Macabê, 16. 2 Macabê.

17. * “Năm sáu trăm đời ông Nôê, tháng hai, ngày mười bảy tháng ấy, vào ngày đó, tất cả các mạch

nước của vực thẳm vĩ đại bật tung, các cổng trời mở toang. Mưa đổ xuống đất bốn mươi ngày bốn mươi đêm.” (St 7,11-12)

* Cuối đời, **thủ lĩnh Ghítôn** xin mỗi người một chiếc nhẫn mà họ đã lấy của quân Mađian, trọng lượng số nhẫn vàng ông xin được là **mười bảy ký vàng**. (Tl 8,22-27)

* **Giuse** được **mười bảy tuổi** thì đi chăn chiên dê với các anh. (St 37,2)

* Ông **Giacóp** sống ở xứ Ai-cập được **mười bảy năm** thì mất. (St 47,28)

* **Vua Rôkhápam**, con vua Salômôn, trị vì nước Giuđa, trị vì được **mười bảy năm** tại Giêrusalem là thành đô Đức Chúa đã chọn làm nơi đặt Danh Người trong tất cả các chi tộc Ítraen. (1V 14,21)

* **Vua Giôhôakhát**, con vua Giêhu, lên làm vua ở Samari, trị vì Ítraen được **mười bảy năm**. (2V 13,1)

* Ngôn sứ **Giêrêmia** đã **mua thửa ruộng** của Khananên con của người cậu, ở Anathót, và đã cân cho nó **mười bảy thỏi bạc**. (Gr 32,9)



18. * **Mười tám người** bị tháp Silôac đổ xuống đè chết. (Lc 13,4)

* Người **phụ nữ còng lưng** được Đức Giêsu chữa trong ngày sa-bát bị quỷ làm cho tàn tật đã **mười tám năm**. (Lc 13,10-17)

* Từ dài nhất trong Kinh Thánh gồm có **18 ký tự** là “**Mahershalalhashbaz**” [(Hãy gọi tên nó là) Ma-he Sa-lan Khát Bát], [(Belonging to) Maher-shalal-hash-baz] được tìm thấy trong câu 1 và 3 của chương 8 sách Isaia.

* Con cái Ítraen làm điều dữ và phải **làm tội Éclon**, vua Môáp, **mười tám năm** trước khi Chúa sai thủ lĩnh Êhút giải thoát cho họ. (Tl 3,12-15)

* **Năm thứ mười tám**, triều vua Nabucôđônôxo, vua nước Átsua, cử quân đi chinh phạt các nước phương Tây. Vua sai **đại tướng Hôlôphécnê** chỉ huy quân đội và cũng là nhân vật thứ hai sau vua. Ông này bị bà Giuditha lấy đầu. (Gđt 1,1...)

* Các **sách ngôn sứ** của Cựu Ước gồm có **18 cuốn**:

1. Isaia, 2. Giêrêmia, 3. Edêkien, 4. Đanien (*gọi là bốn ngôn sứ lớn*), 5. Ai ca, 6. Barúc.

Mười hai ngôn sứ nhỏ là:

7. Hôsê, 8. Giôn, 9. Amôt, 10. Ôvađia, 11. Giônna,

12. Mikha, 13. Nakhum, 14. Khabacúc, 15. Xôphônia,

16. Dacaria, 17. Khácgai, 18. Malakia.

19. * Khi vào Đất Hứa, con cái **chi tộc Náptali** được **chia mười chín thành** và làng mạc làm gia nghiệp. (Gs 19,32-38)

* **Năm thứ mười chín** triều Nabucôđônôxo, vua Babylon, quan chỉ huy thị vệ Novudácadán, thuộc hạ của vua Babylon, vào Giêrusalem. Ông đốt Nhà Đức Chúa, đền vua và mọi nhà cửa ở Giêrusalem và bắt những người dân còn sót lại trong thành phải đi đày. (2V 25,8-12)

20. * “Thả dây dò đáy biển, họ thấy sâu **hai mươi sải**; cách một quãng, họ lại thả dây dò lần nữa, thì thấy còn **mười lăm sải**.” (Cv 27,28)

* **Ông Ápraham** can thiệp cho thành Xơđôm khỏi bị phá hủy: “Con xin mạn phép thưa với Chúa: “Giả như tìm được **hai mươi người** thì sao?” (St 18,30-32)

* Giacóp nói với ông Laban: “Con ở nhà cha đã được **hai mươi năm**, con đã phục vụ cha được **mười bốn năm** để được hai cô con gái của cha, **sáu năm** để được chiên của cha, cha đã đổi công xá của con **mười lần**.” (St 31,41)

* Cậu **Giuse bị bán** cho người Ítmaên với giá **hai mươi đồng bạc**. (St 37,28)

* Trước khi được **thủ lãnh Đơvôra** và ông Barắc giải thoát, con cái Ítraen bị ông Giavin đàn áp một cách tàn bạo suốt **hai mươi năm** trường. (Tl 4,1-3)

* Ông **Samsôn** làm **thủ lĩnh Ítraen hai mươi năm** trong thời người Philitinh cai trị. (Tl 15,20)

* “Người ta đến một đồng thóc ước lượng chừng **hai mươi** ê-pha mà thực ra chỉ có mười; người ta đến bồn rượu nho để mức năm mươi ê-pha, mà chỉ được **hai mươi.**” (Kg 2,16)

21. * Sách ngôn sứ **Ôvadia** có **21** câu.

* “**Xítkigiahu** lên ngôi vua khi được **hai mươi một tuổi**, và trị vì mười một năm ở Giêrusalem. (Gr 52,1)

* “Tháng bảy ngày **hai mươi một**, có lời Đức Chúa phán qua trung gian **ngôn sứ Khácgai** rằng: “Người hãy nói với tổng đốc xứ Giuđa là Dorúpbaven, con ông Santiên, nói với thượng tế Giêsua, con ông Giôhôxađác và nói với những người còn sót lại trong dân rằng: Ai trong các người trong số người còn sót lại đã từng được chứng kiến cảnh rực rỡ vinh quang của Đền Thờ ban sơ? Và bây giờ các người thấy Đền Thờ như thế nào? Trước mắt các người, nó chẳng còn là gì nữa đó sao? Vậy bây giờ, hỡi Dorúpbaven, hãy mạnh bạo lên! Này thượng tế Giêsua, mạnh bạo lên nào! Toàn dân trong xứ hãy mạnh bạo lên! Hãy bắt tay vào việc, vì chính Ta ở với các người. Sấm ngôn của Đức Chúa các đạo binh.” (Kg 2,1-5)

22. * Ông Giaia, người Galaát, xuất hiện, làm thủ lĩnh Ítraen **hai mươi hai năm**. (Tl 10,3)

* **Vua Giarópam** trị vì vương quốc Ítraen là **hai mươi hai năm**. Vua nằm xuống với tổ tiên; con vua là Nadáp lên ngôi kế vị. (1V 14,20)

* Tiên đánh xứ Giudê, **vua Antiôkhô Êupato** đem đoàn quân Hy-lạp đông đảo gồm một trăm mười ngàn bộ binh, năm ngàn ba trăm kỵ binh, **hai mươi hai thớt voi** và ba trăm xe trận có trang bị câu liêm. (2Mcb 13,1-2)

23. * Ông Tôla con ông Pua, cháu ông Đôđô, người Ítxakha, đã xuất hiện để cứu Ítraen. Ông làm thủ lĩnh Ítraen được **hai mươi ba năm**, thì qua đời và được chôn cất tại Samia. (Tl 10,1-2)

* **Giohôakhát** lên ngôi vua khi được **hai mươi ba tuổi**, và trị vì ba tháng ở Giêrusalem. (2V 23,31)

* “Vào năm thứ **hai mươi ba** triều **Nabucôđônôxo**, quan chỉ huy thị vệ Novudácadan bắt bảy trăm bốn mươi lăm người Giuđa **đi lưu đày**. Tổng số người phải lưu đày là bốn ngàn sáu trăm.” (Gr 52,30)

24. * Trong một thị kiến, thánh Gioan đã nhìn thấy: “Chung quanh ngai có **hai mươi bốn** ngai khác, và trên những ngai đó có **hai mươi bốn** vị Kỳ Mục; các

vị đang ngồi, mình mặc áo trắng, đầu đội triều thiên vàng.” (Kh 4,4)

* “**Hai mươi bốn** vị Kỳ Mục và bốn Con Vật phủ phục xuống thờ lạy Thiên Chúa, Đấng ngự trên ngai, mà tung hô: “Amen! Halêluia!” (Kh 19,4)

* Tin mừng thánh **Luca** có **24 chương**.

* “Ngày **hai mươi bốn** tháng mười một, tức là tháng Sovát, năm thứ hai triều Đariô, có lời Đức Chúa phán với **ngôn sứ Dacaria**, con ông Berécgia.” (Dcr 1,7)

* **Thánh Kinh của người Do thái** (Tanak) gồm có **24 cuốn**:

Các sách Torah [תּוֹרָה,] gồm:

1. Sáng thế [תּוֹרָה] (Bereshit)
2. Xuất hành [שְׁמוֹת] (Shemot)
3. Lêvi [וַיִּקְרָא] (Vayiqra)
4. Dân số [בְּמִדְבָּר] (Bamidbar)
5. Đệ nhị luật [דְּבָרִים] (Devarim)

Các sách Nevi'im [נְבִיאִים, "Ngôn sứ"] gồm:

1. Giôsuê [יְהוֹשֻׁעַ] (Yeoshua)
2. Các Thủ lãnh [שֹׁפְטִים] (Shophtim)
3. Samuen (I & II) [שְׁמוּאֵל] (Shemouel)
4. Các Vua (I & II) [מְלָכִים] (Melakhim)
5. Isaia [יֵשַׁעְיָהוּ] (Iescha'Yahou)

6. Giêrêmia [הימרי] (Irmeyahou)
7. Êdêkien [לאקזחי] (Ihezquel)
8. Mười hai ngôn sứ nhỏ bé [רשע ירת] (Schne-'Assar)
 1. Hôse [עשוה] (Hoshea)
 2. Gioen [לאוי] (Ioel)
 3. Amôt [סומע] ('Amos)
 4. Ôvadia [הידבוע] ('Obadyah)
 5. Giôna [הנוי] (Iona)
 6. Mikha [הכימ] (Mikha)
 7. Nakhum [מוהנ] (Nahoum)
 8. Habacuc [קוקבה] (Habaqouq)
 9. Xôphônia [הינפצ] (Sephanyah)
 10. Khácgai [יגח] (Hagai)
 11. Dacaria [הירכז] (Zecharyah)
 12. Malakhi [יכאלמ] (Malakhi)

Ketuvim [כְּתוּבִים, "Văn chương"] gồm:

1. Thánh vịnh [מילהת] (Tehilim)
2. Châm ngôn [ילשמ] (Mishle)
3. Gióp [בויא] (Iob)
4. Diêm ca [מירישה ריש] (Eikha)
5. Rút [תור]
6. Ai ca [הכיא]

7. Huấn ca [תלהק] (Qohelet)
8. Étte [רתסא] (Ester)
9. Đanien [לאינד]
10. Etra-Nokhemia [ארזע הימחננו] ('Ezra Nechemya)
11. Sử biên niên (I & II) [מימיה ירבד] (Dibre Hayamim)

Gb. Nguyễn Thái Hùng
2022



Thánh Kinh Những Điều Thú Vị A-Z

Bạn hãy điều tên 5 nhân vật và 1 địa danh được nói tới trong Tân Ước theo mẫu tự Alphabet. Mọi tên riêng đều dựa trên bản dịch Thánh Kinh của Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ. Chúc các bạn có những giây phút vui và bổ ích.

A

B

C

D

Đ

E

Ê

G

H

I

K

L

M

N

O

P

Q

R

S

T

U

V

X

Y

Lời giải đáp

Thánh Kinh Những Điều Thú Vị A-Z

Bạn hãy điều tên 5 nhân vật và 1 địa danh được nói tới trong Tân Ước theo mẫu tự Alphabet. Mọi tên riêng đều dựa trên bản dịch Thánh Kinh của Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ. Chúc các bạn có những giây phút vui và bổ ích.

- A** **Abiatha** - Mc 2,26; **Agabô** - Cv 11,28;
Alêxandê - Mc15,21; **Apôlô** - Cv 18,24;
Anna - Lc 2,36
và **Aicập** - Mt 2,13
- B** **Basaba** - Cv 1,23; **Batimê** - Mc 10,46;
Batôlômêo - Mt 10,3; **Bécnikê** - Cv 26,30;
Bêlia - 2Cr 6,15
và **Bêlem** - Mt 2,1.5-6
- C** **Caipha** - Mt 26,3.57; **Cácpô** - 2Tm 4,13;
Conêliô - Cv 10,1 ; **Colêôpát** - Lc 24,18;
Colaudiô - Cv 11,28
và **Cô** - Cv 21,1
- D** **Dacaria** - Lc 1,5; **Dakêu** - Lc 19,2;
Dêbêđê - Mc 1,20; **Dorúpaven** - Mt 1,12;
Dêna - Tt 3,13
- Đ** **Đamari** - Cv 17,34; **Đêma** - Cl 4,14;
Đoruxila - Cv 24,24; **Điôtrêphét** - 3Ga 9;
Đavít - Mt 1,6

- và *Damát* - Cv 9,8
- E** **E** - Lc 3,28; **Enôt** - Lc 3,38; **Elada** - Mt 1,15
Engiakim - Mt 1,13; **Enmođam** - Lc 3,28
và *Emmau* - Lc 24,13
- Ê** **Ênê** - Cv 9,33 ; **Êisabét** - Lc 1,5; **Êpápura** - Cl 1,7
Eunikê - 2Tm 1,5 ; **Evôđia** - Pl 4,2
và *Êphêxô* - Cv 18,21
- G** **Gaiô** - Rm 16,23; **Giuda Tađêô** - Mt 10,4,
Giuse - Mt 1,16; **Giêsu** - Lc 1,31;
Gioan - Ga 13,23
và *Giêrusalem* - Mt 2,3
- H** **Hêrôđê** - Mt 2,1.3; **Hêrôđia** - Mc 6,19;
Hymênê - 1Tm 1,20; **Hécmôghêne** - 2Tm 1,15;
Hêrôđion - Rm 16,11
và *Hiêrapôli* - Cl 4,13
- I** **Isaia** - Mt 3,3; **Ítxakha** - Kh 7,7; **Ixaác** - Rm 9,10
Ilyri - Rm 15,19; **Ideven** - Kh 2,20
và *Idumê* - Mc 3,8
- K** **Khanania** - Cv 5,1; **Khanania** - Cv 9,10;
Khuda - Lc 8,3; **Khanan** - Ga 18,13;
Kholôe - 1Cr 1,11
và *Kyrênê* - Mt 27,32
- L** **Ladarô** - Lc 15,20; **Ladarô** - Ga 11,11;
Luca - 2Tm 4,11; **Lyđia** - Cv 16,14;
Lêvi - Lc 3,24.30
và *Lôt* - Cv 9,38

M **Máccô** - Cv 12,12; **Mácta** - Ga 11,1;
Maria - Mc 15,47 ; **Mátthia** - Cv 1,23;
Mátthêu - Mt 9,9
và *Milêto* - Cv 20,15

N **Nathanaen** - Ga 1,45; **Nicôđêmô** - Ga 3,1;
Nicôla - Cv 6,5 ; **Nêrê** - Rm 16,15;
Nympha - Cl 4,15
và *Nadarét* - Mt 4,13

Ô **Ôlimpa** - Rm 16,15; **Ônêximô** - Plm 10;
Ônêxiphôrô - 2Tm1,16 ; **Ôvét** - Mt 1,5,

P **Phaolô** - Cv 13,9; **Phétto** - Cv 24,27;
Phêbê - Rm 16,1 ; **Phêlich** - Cv 23,24;
Philêmôn - Plm 1
và *Pécghê* - Cv 13,13

Q **Quatô** - Rm 16,23; **Quiriniô** - Lc 2,2

R **Rêphan** - Cv 7,43; **Rêsa** - Lc 3,27;
Rôđô - Cv 21,1; **Rupho** - Mc 15,21;
Rakhen - Mt 2,18
và *Rôma* - Cv 18,2

S **Susanna** - Lc 8,3; **Simôn** - Mc 15,21;
Simêôn - Lc 2,25 ; **Salômê** - Mc 15,40;
Simon Cùi - Mt 26,6
và *Samari* - Mt 10,5

T **Tabitha** - Cv 9,34 ; **Timôthê** - Rm 16,21;
Técxiô - Rm 16,22 ; **Tôma** - Lc 6,15;
Tykhicô - Cv 20,4

và *Tibêria* - Ga 6,23

U **Uaban** - Rm 16,9; **Urigia** - Mt 1,6 ;

Útdigia - Mt 1,8 ;

V ***Vátti** - Et 1,10 (Cựu ước)

X **Xaphira** - Cv 5,1; **Xêcundô** - Cv 20,4;

Xikêua - Cv 19,14 ; **Xila** - Cv 16,19;

Xintikhê - Pl 4,2

và *Xidôn* - Lc 4,26

Y

Gb. Nguyễn Thái Hùng
2022



NUỚC DO THÁI THỜI CHÚA GIÊSU

Vùng đất này có nhiều tên gọi. Cổ xưa nhất là Canaan (St 10,19; 12,16) rồi được gọi là Ítraen. Sau khi vua Salomon băng hà, miền bắc giữ lại tên Ítraen, miền nam gọi là Giuđa. Thời Chúa Giêsu, người Rôma chia vùng này thành một tỉnh của Rôma: Giuđê (miền nam), Samari (miền trung) và Galilê (miền bắc).



Vào thế kỷ thứ V sCN, vùng này được gọi là Palestin. Đây là tên của người Hy Lạp cổ đại gọi phần đất của người Philistin. Về sau, tên này được gọi cho cả phía tây và phía đông sông Giordan, làm thành vùng đất được gọi là Thánh Địa.

I. ĐỊA LÝ

1. Diện tích:

Đây là vùng đất nhỏ chưa đầy 22.000km² (tương đương diện tích giáo phận Ban Mê Thuột: gồm tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Đắk Nông và một phần của tỉnh Bình Phước với diện tích là 21.723 km²) có hình thang đứng, cao 240 km, đáy nhỏ phía bắc khoảng 40 km, đáy lớn phía nam khoảng 150 km.

2. Biên giới:

Phía bắc giáp Liban và Syria.

Phía tây giáp Địa Trung Hải.

Phía đông giáp sông Giordan, sông này bắt nguồn từ núi Liban chảy xuống biển hồ Galilê và đổ vào Biển Chết.

Phía nam giáp Idumê.

3. Hình thể

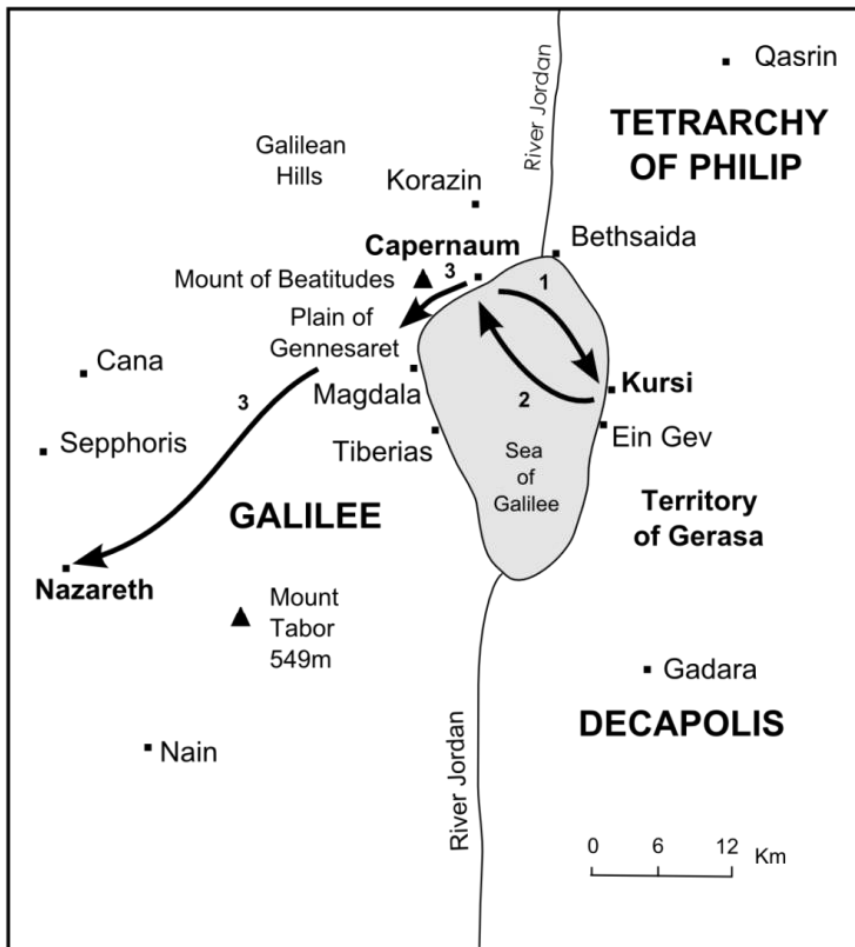
Thời Chúa Giêsu, vùng đất Palestin được chia làm 3 miền: Giuđê ở miền nam, Samari ở miền trung và Galilê ở miền bắc.

a. Galilê

Rộng khoảng 4.000km² (từ bắc xuống nam dài 83 km, từ đông sang tây rộng khoảng 50 km).

Từ bắc xuống nam có:

*** Biển hồ Galilê:**



Cũng gọi là Hồ Ghênnêxarét, Biển Hồ Tiberia là một hồ nước ngọt lớn nhất ở Ítraen. Hồ có chu vi khoảng 53 km, chiều dài khoảng 21 km, chiều rộng khoảng 13 km, với diện tích

tổng cộng là 166 km². Hồ có chiều sâu tối đa là 43 m. Hồ nằm ở độ sâu 209 mét dưới mực nước biển, là hồ nước ngọt thấp nhất trên Trái Đất và hồ thấp thứ nhì trên Trái Đất (sau Biển Chết, 1 biển hồ nước mặn).

- Nơi đây Chúa Giêsu đã gọi 4 môn đệ đầu tiên: Phêrô, Anrê, Giacôbê, Gioan (Mt 4,18-22; Lc 5,1-11); Trao quyền cho Phêrô (Ga 21,1...) ...

- Chúa Giêsu làm nhiều phép lạ: Dẹp yên biển động (8,23-27ss); Đi trên mặt nước (Mt 14,23-33ss); Mẻ cá lạ lùng (Lc 5,1-7)...

*** Chung quanh Biển Hồ có nhiều thành phố:**

- **Khoradin:** Bị Chúa Giêsu quở mắng vì cứng tin (Mt 11,21ss).

- **Bếtxaïđa:** Quê của Phêrô, Anrê và Philípphê (Ga 1,44; 12,21).

- **Caphácnaum:** Nằm phía tây bắc hồ Galilê. Chúa kêu gọi Lêvi (Mc 2,14ss), làm nhiều phép lạ (Mc 1,24-45ss), giảng dạy về Bánh Hằng Sống (Ga 6,22-59)...

- **Mácđala** (Magadán): Quê của Maria Mácdala (Mt 27,56ss)

- **Tibêriát:** Ở phía tây hồ Galilê do vua Hêrôđê Antipa xây vào năm 16 sCN để tôn vinh hoàng đế Tiberius. Do tên thành này mà hồ Galilê còn gọi là hồ Tibêriát (Ga 6,1; 21,1).

** Phía tây nam có thành:*

- **Cana:** Nằm trên cao nguyên Galilê, quê của Nathanaen (Ga 21,2). Chúa Giêsu làm phép lạ đầu tiên: nước hóa thành rượu (Ga 2,1-11)...

- **Nadarét:** Nazareth : Hebrew: נַצְרַת, Natzrat hoặc Natzeret. Nadarét nép mình trong một lòng chảo tự nhiên cao từ 320 m trên mực nước biển tới đỉnh các đồi cao khoảng 490m. Nadarét cách Biển hồ Galilê 25 km (17 km theo đường chim bay) và cách núi Tabor

khoảng 9 km về phía tây. Thành của thánh Giuse và Mẹ Maria (Lc 1,26). Chúa Giêsu lớn lên tại đây (Mt 2,23; Lc 2,39 ...).

- **Nain:** Con trai bà góa được Chúa Giêsu làm cho sống lại (Lc 7,11-17).

- **Núi Tabor** (Hebrew: תְּבוֹר הַר) là một núi ở vùng Galilê Hạ, nằm ở đầu phía đông của thung lũng Jezreel, cách Biển hồ Galilê 17 km về phía tây, cao 575m. Tại đây Chúa Giêsu đã hiển dung (Mt 17,1-8; Mc 9,2-8; Lc 9,28-36).

b. Samari



Rộng khoảng 3.000 km² (từ bắc xuống nam dài 67 km, từ đông sang tây rộng 58 km).

Thời 2 vương quốc Giuđa và Ítraen, Samari là thủ đô của vương quốc Ítraen

(1V 16,29...).

- **Thủ đô Samari** (Hebrew: שומרון , Shomron) do vua Omri (khoảng 885-874 tCN) thiết lập và kéo dài cho đến khi thành Samari bị Sargon II chiếm vào năm 721 tCN và vương quốc Ítraen phía Bắc bị sụp đổ. Đến thời đế quốc Hy Lạp, thành Samari bị Alexandê đại đế đánh chiếm năm 331 tCN. Đến khoảng năm 108 tCN, thành Samari lại bị Gioan Hycanô tàn phá. Dưới thời đế quốc Rôma, Pompê xây dựng lại thành Samari khoảng năm 63 tCN. Đến năm 27 tCN, hoàng đế Augustô Xêda cho vua Hêrôđê Cả thành này. Vua Hêrôđê Cả đã mở rộng và xây dựng lại thành Samari rồi đặt lại tên thành là “Sebaste”, tiếng Hy Lạp có nghĩa là “Augustô”, để tôn vinh hoàng đế. Vì thế, vị trí thành “Sebaste” chính là thành “Samari” cổ.

(<http://www.simonhoadalat.com/HOCHOI/KINHTHAN/ThayVaNghe/Bai47.htm>)

Dân Samari gốc là Do thái, nhưng sau cuộc lưu đày 721 tCN, họ bị pha trộn với dân ngoại. Người Do thái coi họ lạc giáo nên khinh thường và xa tránh.

- **Làng Xykha:** Một thị trấn dưới chân núi Êvan (Ebal) nơi Chúa Giêsu đã gặp một phụ nữ bên bờ giếng Giacóp (Ga 4,1-42).

- **Núi Goridim:** Hebrew: גֶּרִזִּים הַר, Har Gərīzīm (Gerizim) thuộc vùng đồi núi Samari, núi này cao khoảng 868 mét so với mực nước biển Địa Trung Hải và cao 244 mét tính từ chân núi. Núi Êvan (Ebal) bên

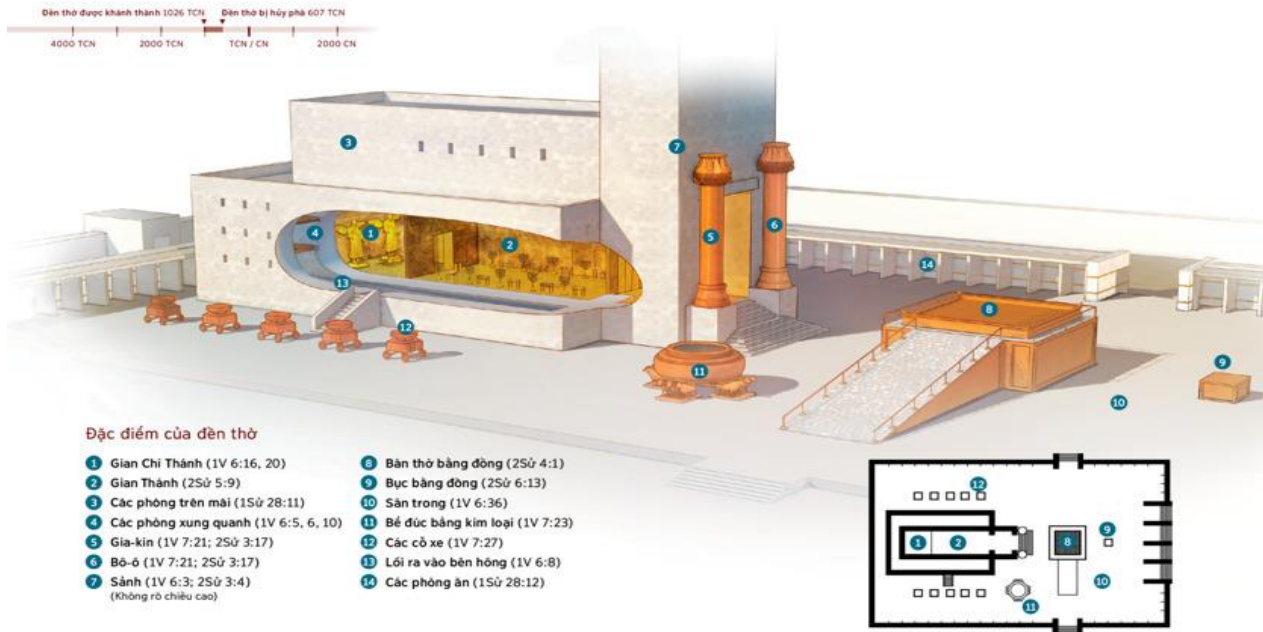
cạnh, cao 938 mét so với mực nước biển Địa Trung Hải và cao 366 mét tính từ chân núi. Giữa hai núi Goridim và Êvan là vùng đất thành Sikhem (ngày nay là thành Nablus). Xykha (Askar) ở chân núi Êvan và phía nam là giếng Giacóp theo hướng núi Goridim.

c. Giuđê

Rộng khoảng 8.200 km² (từ bắc xuống nam dài 92 km, từ đông sang tây rộng 90 km).

- **Giêrikhô:** Hebrew : יְרִיחוֹ , Yeriho nằm trong thung lũng sông Giođan. Nó là một thành phố lâu đời nhất thế giới. Cách sông Giođan 8 km về phía tây; cách Biển Chết 12 km về phía bắc. Thấp hơn mặt nước biển 258m, Giêrikhô trở thành thành phố thấp nhất thế giới. Đây là nơi dừng chân của người Do thái hành hương lên Giêrusalem. Tại đây, Chúa Giêsu gặp ông Dakêu (Lc 19,1-10); chữa anh mù Báctimê (Mc 10,46-52).

- **Núi Cám Đỗ:** Hebrew: קְרוֹנְטַל, là một ngọn đồi trong sa mạc Giuđêa nơi Chúa Giêsu đã bị cám dỗ bởi ma quỷ (Mt 4,8). Vị trí chính xác không thể xác định. Nó thường được xác định là Núi Quarantania (Ả Rập: Jabal al-Quruntul), cao khoảng 366 mét, cao chót vót từ phía tây bắc thị trấn Giêrikhô. Quarantania là “*một đỉnh núi đá vôi trên đường từ Giêrusalem đến Giêrikhô*”.



- **Giêrusalem:** Thủ đô chính trị và tôn giáo của người do thái. Nằm trên 3 ngọn đồi cao 797 m so với mặt nước biển.

Giêrusalem bắt nguồn từ Urusalim: Thành phố Salim (Salem: Hòa bình), cũng được gọi là Sion.

Đền thờ Giêrusalem xây dựng lần thứ 1 bởi vua Salômon bị quân Babylon phá hủy năm 587 tCN. Ngôi đền thứ hai được Nôkhemia và Étra xây dựng từ năm 520-515 tCN sau khi dân lưu đày Babylon được trở về. Vua Hêrôđê Cả đã trùng tu và nói rộng ngôi đền từ năm 20 tCN đến năm 64 sCN. Ngôi đền mới này bị quân Rôma phá hủy bình địa vào năm 70.

Sau khi sinh ra, Chúa Giêsu được tiến dâng cho Thiên Chúa tại đây (Lc 2,22). Năm 12 tuổi, Chúa Giêsu đã theo cha mẹ hành hương lên Đền thờ

Giêrusalem (Lc 2,41-50). Chúa Giêsu vào thành, mừng lễ Vượt Qua với các môn đệ, bị kết án và chịu đóng đinh trên Núi Sọ, bên ngoài thành Giêrusalem.

- **Emmau:** Hebrew: עִמְאֹם, Emmaom, Emmaus, một làng cách Giêrusalem khoảng 11,5 km. Sau khi phục sinh, Chúa Giêsu đã hiện ra với 2 môn đệ trên đường về Emmau (Lc 24,13-35).

- **Bêlem:** Bethlehem có nghĩa là Nhà Bánh, cách Giêrusalem khoảng 8 km về hướng tây nam. Bêlem nằm trên độ cao 775 mét trên mực nước biển, 30 mét cao hơn thành phố lân cận Giêrusalem. Bêlem là nơi Chúa Giêsu sinh ra (Lc 2,1-7; Mt 2,1-12).

- **Núi Ôliu** hay núi Cây Dầu: Hebrew: הַר הַזַּיִתִּים, Har HaZeitim, là một núi ở phía đông thành phố Giêrusalem gồm 3 ngọn, trải dài từ bắc xuống nam. Ngọn cao nhất, at-Tur, cao 818 mét. Núi được gọi theo tên các lùm cây olive đã có thời phủ kín các sườn dốc của núi. Tại đây có ngôi mộ của tiên tri Dacaria và Absalom, con vua Đavít.

Núi Ôliu thường được nói tới trong Tân Ước (Mt 21,1; 26,30 vv...) như tuyến đường từ Giêrusalem tới Bêtania và là nơi Chúa Giêsu đứng khi khóc thương thành Giêrusalem (Mt 23,37-39, Lc 13,34-35). Ngài trở lại nghỉ ngơi ở núi này hàng đêm, sau khi giảng dạy trong Đền thờ Giêrusalem (Luc 21,37). Sau khi ăn lễ Vượt Qua với các môn đệ “*thầy trò đi tới núi*

Ôliu” (Mt 26,30), và tại vườn Gêtsêmani dưới chân núi này, Chúa Giêsu bị Giuđa bội phản nộp cho người Do Thái (Mt 26,39).

Chúa Giêsu cũng lên trời từ núi Ôliu như được ghi trong sách Công vụ Tông đồ 1,9-12.

- **Đồi Sọ:** Hebrew גולגולת , gulgōlet “sọ”, một ngọn đồi nhỏ chỉ cách thành Giêruslem 100m có hình dạng giống sọ người, nơi Chúa Giêsu đã chịu đóng đinh vào thập giá (Ga 19,17; Mt 27,33, Mc 15,22). Đồi Sọ còn được gọi là Núi Sọ, Đồi Canvariô hay Gôngôtha.

- **Biển Chết:** Hebrew: ים המלח hay Tử Hải là một hồ nước mặn nằm trên biên giới giữa Bờ Tây, Ítraen và Giođan trong thung lũng Giođan. Khu vực chứa nước bị hãm kín này có thể coi là một hồ chứa nước có độ mặn cao nhất trên thế giới.

Biển Chết dài 76 km, chỗ rộng nhất tới 18 km và chỗ sâu nhất là 400 m. Bề mặt Biển Chết nằm ở 417,5 m dưới mực nước biển (số liệu năm 2005).

Nói về đất nước Do thái thời Chúa Giêsu, chúng ta cũng không thể nào quên sông Giođan chảy từ bắc xuống nam. Một con sông linh thiêng của người Do thái, người Kitô và người Hồi giáo.

- **Sông Giođan:** Hebrew: הירדן נהר, nehar

hayarden, chảy từ chân núi Hermon vào Biển Chết. Sông Giođan dài 251 km. Sông Giođan chảy nhanh trong đoạn dài 75 km vào hồ Hula lầy lội, rồi dòng chảy hơi thấp hơn mực nước biển khoảng 25 km tới Biển hồ Galilê. Đoạn chót dòng chảy ít dốc hơn, và sông bắt đầu uốn khúc trước khi chảy vào Biển Chết, nơi thấp hơn mực nước biển 417,5 mét và không có lối thoát ra.

Đoạn ở phía bắc Biển hồ Galilê nằm trong biên giới của Ítraen, đồng thời tạo thành ranh giới phía tây của Cao nguyên Golan. Phía nam của Biển hồ Galilê, sông Giođan tạo thành biên giới giữa Giođan (ở phía đông) và Ítraen cùng Bờ Tây (ở phía tây). Hai chi lưu lớn chảy từ phía đông vào sông Giođan ở đoạn cuối là sông Yarmouk và sông Jabbok (Giáp bóc).

Trong Kinh Thánh, sông Giođan được nói đến như nguồn cung cấp sự phì nhiêu cho vùng đồng bằng lớn, và được coi như “vườn của Chúa” (St 13,10). Tổ phụ Giacóp đã qua sông này tại chi lưu của nó - sông Giáp bóc (nay là sông Al-Zarqa) - để tới Haran (St 32,11.,23-24)...

Trong lịch sử Kinh Thánh, sông Giođan là nơi diễn ra nhiều phép mầu. Người Ítraen dưới sự lãnh đạo của ông Giôsuê vượt qua sông Giođan, ở khúc gần thành Giêrikhô (Gs 3,15-17). Các nhà tiên tri Êlia và Êlisa cũng qua sông Giođan ở các chỗ khô cạn (2V

2,8; 2,14). Tiên tri Êlisa làm 2 phép lạ trên sông này: chữa lành viên tướng Naaman bằng cách bảo ông tắm 7 lần ở sông này; lần thứ hai tiên tri Êlisa quăng 1 khúc cây xuống sông khiến cho lưỡi rìu của 1 người thợ đốn cây bị rơi xuống sông nổi lên (2V 5,14; 6,6)...

Tân Ước cho biết ông Gioan Tẩy giả đã làm phép rửa khi rao giảng sự thống hối ở bên sông Giođan (Mt 3,5-6; Mc 1,5; Lc 3,3; Ga 1,28). Chúa Giêsu nhận phép rửa tại đây (Mt 3,13; Mc 1,9; Lc 3,21; 4,1). Cũng tại khúc sông Giođan này, ông Gioan đã chứng thực Giêsu là Con Thiên Chúa và là Chiên Thiên Chúa (Ga 1,29-36).

Tân Ước nhiều lần nói tới việc Chúa Giêsu vượt qua sông Giođan trong khi Ngài rao giảng (Mt 19,1; Mc 10,1), và những người tin theo đã vượt sông Giođan tới nghe Người giảng dạy và được chữa lành bệnh tật (Mt 4,25; Mc 3,7-8)...

II. CHÍNH TRI

Năm 63 tCN, lợi dụng cơ hội anh em nhà Macabê tranh dành quyền hành, tướng Pompê kéo quân đến chiếm Giêrusalem và đặt Palétin dưới sự đô hộ của đế quốc Rôma.

Năm 40 tCN, Hêrôđê Cả được Rôma phong vương. Đặt ông cai trị Palétin đến năm 4 tCN. Vào

quãng năm thứ 7 tCN, dưới triều Hêrôđê Cả, Chúa Giêsu giáng sinh.

Sau khi băng hà, vương quốc của vua Hêrôđê Cả được chia cho 3 người con:

- Antipa làm tiểu vương vùng Galilê và Pêrê (-4 đến +39 Galilê & Pêrê).

- Philipphê làm tiểu vương vùng Đông Bắc Galilê (-4 đến +34)

- Archelau làm tiểu vương vùng Samaria, Giuđê, và Idumea (-4 đến +7). Năm 7 Archelau bị truất quyền. Phần đất của ông được cai trị trực tiếp bởi tổng trấn La mã.

Tổng trấn thời Chúa Giêsu là Philatô. Ông làm tổng trấn từ năm 26 đến 36. Năm 36 ông bị cách chức vì đã ra lệnh tàn sát người Samari.

Năm 41, chức tổng trấn bị hoàng đế Rôma bãi bỏ. Acríppa I (41-44), cháu vua Hêrôđê Cả được Rôma cho lên làm vua. Ông bách hại các Kitô hữu và giết chết tông đồ Giacôbê (Cv 12,2). Sau khi vua Acríppa I chết, Palétin trở về chế độ tổng trấn.

Năm 66, người Do thái nổi dậy và bị Rôma đàn áp dữ dội. Lễ vượt qua năm 70, tướng Titô vây hãm Giêrusalem. Tháng tám thành bị chiếm và Đền thờ bị

thieu đốt. Từ đây, Giuđê trở thành một tỉnh của đế quốc Rôma.

Tuy bị đô hộ, nhưng dân Do thái vẫn giữ được Thượng Hội Đồng (Hội Đồng Công Tọa hoặc Tòa Công Nghị). Đây là tòa án tôn giáo tối cao gồm 71 thành viên là các kỳ lão, thượng tế, tư tế và các ký lục nhưng họ không có quyền tử hình. Chúa Giêsu đã bị Tòa Công Nghị này kết án thời Caipha (18-36) làm thượng tế.

III. GIAI CẤP XÃ HỘI

1. Giới tư tế

Giới tư tế có từ thời Xuất Hành với việc Aharon và con cái được chọn làm tư tế (Xh 28-29; Lv 8; Ds 3,3) và chi tộc Lêvi được chọn để giúp các tư tế và phục vụ Nhà Tạm (Ds 3,5-9).

Sau khi lưu đày Babylon trở về (-538), vì không còn vua nên giới tư tế ngày càng đóng vai trò quan trọng trong xã hội Do thái.

- **Thượng tế:** Đứng đầu giới tư tế. Vị này đứng đầu Thượng Hội Đồng và được coi như thủ lĩnh của dân. Chỉ mình thượng tế mới được quyền vào Nơi Cực Thánh mỗi năm một lần để dâng Lễ Xá Tội cho dân (Dt 8,7).

- **Các tư tế:** Khoảng 7.200 tư tế trong cả nước.

Phận sự của họ là dâng của lễ trong đền thờ. Vì đông, họ được chia làm 24 nhóm thay phiên nhận phục vụ mỗi năm 2 lần. Chỉ vào dịp đại lễ (Lễ Vượt Qua, Ngũ Tuần và Lễ Lều) các nhóm mới làm việc cùng nhau.

- **Các thầy Lêvi:** Khoảng 10.000 người. Vì không phải là tư tế nên các thầy cũng không được cử hành phụng tự. Họ có nhiệm vụ ca hát, đánh đàn, giữ cửa, bảo quản và bảo vệ Đền thờ. Đây là giới vô sản của Đền thờ.

2. Giới kỳ mục (Kỳ lão)

Gồm phú ông và bậc niên trưởng. Có thể đây là “giới quý tộc” vì họ giàu có và vai vế trong xã hội. Đa số thuộc nhóm Xađốc.

3. Giới Kinh Sư

Còn gọi là ký luật, luật sĩ hay các thầy thông luật. Họ là những nhà chuyên môn về Kinh Thánh. Một số nhỏ là tư tế nhưng phần đông là giáo dân thuộc nhóm Pharisêu.

Trong khi các tư tế chủ yếu lo về mặt phụng tự thì các kinh sư là những người hướng dẫn đời sống đức tin, giúp mọi người học hỏi và sống giới luật của Thiên Chúa, trung tín với Thiên Chúa. Có thể xem họ là những người kế tục các ngôn sứ.

Nhờ hiểu biết Kinh Thánh và thông thạo Lễ Luật,

các kinh sư chiếm một vị thế quan trọng trong Thượng Hội Đồng Do thái.

4. Dân chúng

Đa số là nông dân, thợ thủ công, tiểu thương hay người làm thuê.

IV. CÁC NHÓM TÔN GIÁO

1. Nhóm Xađốc

Phần lớn các tư tế ở Giêrusalem và một số kỳ mục. Đây là nhóm bảo thủ về thần học, phụng tự và chính trị. Họ không tin có sự sống lại và thường phạt đời sau (Mt 22,23). Họ không coi trọng các luật truyền khẩu. Họ quý trọng Ngũ Thư hơn các Sách Thánh khác.

2. Nhóm Pharisêu

Còn gọi là Biệt phái. Phần đông là những giáo dân đạo đức, một ít tư tế vùng quê và ít thầy Lêvi. Vào thời Chúa Giêsu, họ rất được kính trọng. Họ chuyên cần suy niệm Kinh Thánh, tuân giữ Lễ Luật một cách tỉ mỉ.

3. Nhóm Étxê nô

Nhóm này được tổ chức chặt chẽ và có tôn tri trật tự. Họ sống nghèo khó, độc thân và vâng phục

lãnh đạo. Ban ngày họ cầu nguyện, lao động và thanh tẩy theo nghi thức; ban đêm dành để học hỏi Kinh Thánh.

4. Nhóm Samari

Là người Do thái ở Samari. Họ bị pha trộn nhiều với dân ngoại kể cả về mặt tôn giáo. Người Samari không thờ phượng Thiên Chúa ở Giêrusalem, nhưng ở trên núi Goridim. Họ chỉ nhìn nhận Ngũ Thư.

5. Nhóm Hêrôđê

Những người ủng hộ vua Hêrôđê, do đó, họ ủng hộ nhà cầm quyền Rôma.

V. CÁC NGÀY LỄ

Những ngày lễ của người Do thái nhằm kỷ niệm những lần Thiên Chúa ra tay can thiệp cứu giúp dân Ngài. Hằng năm, có 3 dịp lễ lớn mà mọi người Do thái từ 12 tuổi trở lên phải đi hành hương Giêrusalem. Đó là Lễ Vượt Qua, Lễ Ngũ Tuần và Lễ Lều.

1. Lễ Vượt Qua (Pesah): Lễ quan trọng nhất trong năm. Chiều 14 tháng Nissan (khoảng tháng 3, 4 dương lịch), người ta sát tế chiên tại đền thờ. Các tư tế lấy máu chiên đặt dưới chân bàn thờ tỏ ý dâng hiến cho Thiên Chúa. Đêm xuống, mỗi gia đình ăn tiệc vượt qua với bánh không men và rau diếp đắng để

tưởng nhớ ngày họ được giải thoát khỏi Ai cập. (x. Lv 23,4-5).

Lễ Vượt Qua giúp dân Chúa sống lại kinh nghiệm của cha ông xưa được giải thoát khỏi Ai cập. Việc này giúp người ta hướng đến cuộc giải phóng tương lai do Đấng Mêsia thực hiện. Chúa Giêsu lập Bí tích Thánh Thể và lập chức tư tế trong bữa tiệc Vượt Qua cuối cùng với các môn đệ (Mt 26,17-19; Mc 14,12-25; Lc 22,1-20).

2. Lễ Ngũ Tuần (Shavout): Được cử hành 7 tuần sau lễ Vượt Qua (x. Đnl 16,9). Nguyên thủy là lễ mùa gặt. Đây là dịp vui mừng cảm tạ Chúa về mọi ơn lành và mùa gặt Ngài ban (x. Xh 23,16; Lv 23,15-21; Đnl 16,6-9). Về sau, Lễ Ngũ Tuần trở thành lễ tưởng niệm việc Thiên Chúa ban Giao ước và Lễ luật trên núi Xinaï: Ítraen chính thức trở thành một dân tộc, dân riêng của Thiên Chúa. Chính ngày lễ này, Chúa Thánh Thần đã được ban xuống (Cv 2), chính thức khai mạc dân mới của Thiên Chúa là Hội Thánh.

3. Lễ Lều (Sukkot): Lễ này thường được cử hành vào mùa thu kéo dài 7 ngày. Người ta tưởng nhớ lại khoảng thời gian sống trong sa mạc (x. Lv 23,42-43). Ban ngày có nhiều cuộc rước cầu cho mưa thuận gió hòa, ban đêm có rước đèn và ca múa bên nhau.

Ngoài 3 lễ trên còn có những lễ khác như:

* **Lễ Xá Tội (Yom Kippour):** Lễ này được cử hành 10 ngày trước Lễ Lều. Suốt 24 giờ, người ta kiêng ăn và tụ họp trong Đền Thờ. Vị thượng tế cử hành long trọng nghi thức đền tội của mình và toàn dân. Toàn dân thú hết tội lỗi và nài xin Thiên Chúa tha thứ. Đây là ngày vị thượng tế được vào nơi cực thánh để làm lễ xá tội. (Lv 23,26-32)

* **Lễ Cung Hiến Đền Thờ (Hanukkah):** Vào tháng 12. Lễ này kỷ niệm việc tẩy uế và tái thánh hiến đền thờ thứ hai do Macabê Giuda vào năm 164 tCN. Lễ này cũng gọi là Lễ Thắp Sáng bởi mỗi buổi tối, đèn được thắp sáng trong mọi căn hộ. Trong Tin mừng Gioan 10,22 gọi là Lễ Thánh Hiến, nay gọi là Lễ Hanukkah (x. 1Mcb 4,52-59).

* **Lễ Số Phận (Purim):** Đây là ngày lễ được cử hành hết sức huyền ảo, có nguồn gốc từ thời nữ hoàng Étte. Nữ hoàng Étte và người chú Moócđokhai cứu dân Ítraen khỏi bị thảm sát bởi tể tướng Haman thời vua Asuêrô của Ba Tư.

* **Lễ Tân Niên (Tân Nguyệt Đặc Biệt: Tết Do Thái) (Rosh Hashanah):** Được cử hành 10 ngày trước lễ Xá Tội (Yom Kippour). Lễ này mừng vào ngày 1 tháng Tishre, tháng thứ 7 theo lịch Do thái, mở đầu Mùa Do thái. Trong Kinh Thánh gọi là Lễ Kèn (Trumpets) hay là Ngày Tù Và: người ta thổi tù và vào mỗi đầu tháng (x. Lv 23,23-25) cũng như mỗi

ngày lễ, để báo hiệu mùa lễ trọng sắp tới, kêu gọi dân chúng cầu nguyện, ăn năn sám hối. Tiếng tù và cũng đề nhắc lại những biến cố lịch sử dân tộc được thành lập tại núi Xinaï.

4. Ngày Sabát (Sabbath): Bắt đầu từ chiều thứ sáu đến chiều thứ bảy. Đây là ngày nghỉ ngơi và thờ phượng Thiên Chúa, kỷ niệm việc hoàn tất công trình tạo dựng của Thiên Chúa (St 2,2-3). (x. Lv 23,1-3)

Người Do thái tính ngày từ lúc mặt trời lặn chiều hôm trước đến lúc mặt trời lặn chiều hôm sau.

Thời Chúa Giêsu, ngày chia làm 12 giờ (Mt 20,3-6; Ga 11,9).

Tuy chia ban ngày ra làm 12 giờ (giờ gọi bằng số đếm), nhưng khi thực hành, họ chia ngày ra làm bốn quãng, mỗi quãng ba giờ, gọi là giờ thứ 1, 3, 6, 9.

-Giờ thứ 1 lúc 6 giờ sáng khi mặt trời mọc.

-Giờ thứ 3 lúc 9 giờ sáng.

-Giờ thứ 6 lúc 12 giờ trưa. (*Bảy giờ đã gần tới giờ thứ 6, thế mà bóng tối bao phủ khắp mặt đất, mãi đến giờ thứ 9 (Lc 23,44).*)

-Giờ thứ 9 là 3 giờ chiều.

Ban đêm, người Do thái chia làm 4 canh:

- Canh 1 từ lúc mặt trời lặn đến 9 giờ.
- Canh 2 từ 9 giờ đến nửa đêm.
- Canh 3 từ nửa đêm đến 3 giờ (canh gà gáy).
- Canh 4 từ 3 giờ đến 6g sáng (lúc mặt trời mọc).

5. Năm Sabát: Cũng như ngày Sabát người ta nghỉ ngơi thế nào, thì mỗi năm thứ bảy cũng là “*năm toàn bộ đất đai phải nghỉ ngơi như thế, một năm hoàn toàn hiến dâng cho Thiên Chúa*”. Dĩ nhiên không phải toàn thể đất đai nghỉ ngơi cùng một lúc. Có lẽ mỗi thửa ruộng phải ngưng canh tác vào năm thứ bảy kể từ ngày khởi canh lần đầu. Bất cứ hoa màu nào trong năm này người nghèo đều được tự do thu lượm. Sự sắp xếp này là dấu chỉ cho người Do thái thấy rằng đất đai không thuộc riêng họ. Nó “*thánh thiêng*” theo nghĩa thuộc về Thiên Chúa. Mỗi năm thứ bảy, mọi nô lệ người Do thái cũng được trả tự do và mọi khoản nợ đều được hủy bỏ. (Lv 25,1-7; Xh 23,10-11; 26,2-6; Đnl 15,1-6)

6. Năm Toàn Xá (Jubilee): Còn gọi là Năm Hồng Ân. Luật định rằng cứ mỗi 50 năm, tức năm sau 7 năm sa-bát, đất đai và tài sản phải được hoàn lại cho chủ nhân nguyên thủy, mọi nô lệ cho người Do thái phải được tự do, nợ nần được xóa bỏ, đất đai được để không. Luật Năm Toàn Xá tỏ ra khó thực hiện nên nó được mong chờ như ngày chỉ có Chúa mới có thể mang đến. Nó là “năm” ngôn sứ Isaia đã hứa, và Chúa

Giêsu đã loan báo. (x. Lv 25,8-17.23-55; Is 61,1-2; Lc 4,16-21).

Khi đọc sách Lêvi, chúng ta thấy con số bảy có ý nghĩa quan trọng:

Mỗi bảy ngày là ngày sabát. Mỗi bảy năm là năm Sabát.

Mỗi bảy lần bảy năm thì năm theo sau đó là Năm Toàn xá.

Lễ Ngũ Tuần là lễ bảy tuần sau Lễ Vượt Qua.

Trong tháng thứ bảy là các Lễ Reo Hò, Lễ Lều và Lễ Xá Tội.

Lễ Ngũ Tuần kéo dài bảy ngày. Lễ Vượt qua kéo dài bảy ngày.

VI. CÁC THÁNG DO THÁI

Niên lịch Do thái dựa vào âm lịch gồm 12 tháng, nhưng với tên gọi riêng. Sau thời lưu đầy người ta gọi theo ngôn ngữ Babylon như sau:

1. Tháng Nixan (Nisan)

Tháng thứ 1 của năm, tương ứng với tháng 3, 4 dương lịch. Tháng này có lễ Vượt Qua (Pessah) là lễ

trọng nhất, mọi người phải hành hương về Giêrusalem; lễ Bánh Không Men...

2. Tháng Lya (Lyar)

Tháng thứ 2 của năm, tương ứng với tháng 4,5 dương lịch.

3. Tháng Xivan (Sivan)

Tháng thứ 3 của năm, tương ứng với tháng 5, 6 dương lịch. Tháng này có Lễ Ngũ Tuần (Shavouoth), lễ trọng thứ 2 có hành hương về Giêrusalem.

4. Tháng Tammu (Tammouz)

Tháng thứ 4 của năm, tương ứng với tháng 6, 7 dương lịch.

5. Tháng Ab (Ab)

Tháng thứ 5 của năm, tương ứng với tháng 7, 8 dương lịch. Tháng này có ngày tưởng niệm Đền thờ Giêrusalem thứ nhất bị người Babylon phá hủy vào năm 587 tCN và Đền thờ Giêrusalem thứ hai bị người Rôma phá hủy vào năm 70 sCN.

6. Tháng Elun (Eloul)

Tháng thứ 6 của năm, tương ứng với tháng 8, 9 dương lịch. (x.Nkm 6,15)

7. Tháng Títtri (Tishri)

Tháng thứ 7 của năm, tương ứng với tháng 9, 10 dương lịch. Tháng này có nhiều lễ: Lễ Đầu Năm (Rosh Hashanah, Ds 29,1); Lễ Xá Tội (Yom Kippour); Lễ Lều (Sukkot) lễ trọng thứ 3 có hành hương về Đền thờ Giêrusalem.

8. Tháng Marevan (Marheshevan)

Tháng thứ 8 của năm, tương ứng với tháng 10, 11 dương lịch.

9. Tháng Kítlêu (Kisleu)

Tháng thứ 9 của năm, tương ứng với tháng 11, 12 dương lịch. (x. Dcr 7,1; Nkm 1,1; 1Mcb 1,54; 4,52; 2Mcb 1,8.18; 10,5). Tháng này có Lễ Cung Hiến Đền Thờ (Hanukkah).

10. Tháng Têvết (Tebeth)

Tháng thứ 10 của năm, tương ứng với tháng chạp, tháng giêng dương lịch. (Et 2,16).

11. Tháng Xêvát (Shebet)

Tháng thứ 11 của năm, tương ứng với tháng giêng, 2 dương lịch.

12. Tháng Adar (Adar)

Tháng thứ 12 của năm, tương ứng với tháng 2, 3 dương lịch. (Et 3,7.13...; Er 6,15; 1Mcb 7,43.49; 2Mcb15,36). Trong tháng này có Lễ Purim.

VII. TIỀN TỆ & ĐO LƯỜNG

1. Tiền Tệ

Người Do thái thời Chúa Giêsu quen dùng tiền Hy Lạp và La Mã, họ lấy vàng làm bản vị (étalon or). Một đồng vàng đời Augustô cân nặng 7,8gr. Tuy nhiên đồng bạc “denarium” (denier) lại thường dùng hơn. Một đồng bạc thời ấy chỉ cân nặng bằng nửa đồng vàng 3,9gr và giá trị kém vàng 25 lần. Một đồng bạc La Mã ‘denarium’ có hình Xêda là đồng tiền nộp thuế mà mỗi người nam trưởng thành Do thái phải trả trong thời kỳ Rôma đô hộ, gọi là thuế đinh (Mt 21,19), và cũng là tiền công nhật của một người thợ làm 12 giờ (Mt 20,2-14).

1 xu (as, assarius)

là 1/16 đồng bạc ‘denarium’.

1 xu đôi (dipondius) là 2 đồng as.

1 xu nhỏ (quadrans) là 1/4 as.

1 đồng tiền (minutum, lepta) là 1/8 as.

Đồng bạc Hy Lạp “drachma” cũng một giá như đồng bạc “denarium”.

1 đồng Didrachma là 2 drachma.

1 đồng Stater là 4 drachma.

1 lạng (mine) là 100 drachma.

1 nén (talentum) là 6.000 drachma.

Đồng “drachma” cũng một giá như đồng bạc “denarium” tương đương lương một ngày làm công của người bình thường. 1 nén bạc bằng 6.000 denarium, tương đương 6.000 ngày, gần 20 năm làm việc của một người lao động.

Đồng stater là 4 drachma được thánh Phêrô tìm thấy trong miệng cá để nộp thuế cho Chúa Giêsu và chính mình (Mt 17,24-27).

Tại Đền thờ Giêrusalem, người ta dùng tiền Do thái là đồng sekel (sicle). Một sekel bằng 4 drachma. Các tư tế đã trả cho Giuđa bằng tiền này (Mt 26,16). Để dâng cúng tại Đền thờ, những người Do thái ngoại kiều phải đổi ra đồng sekel. Nhân đó mới có những người đổi bạc tại Đền thờ và bị Chúa Giêsu xua đuổi. (Ga 2,15; Mt 21,12; Mc 11,15)

Có loại đồng tiền có giá trị thấp nhất được lưu hành vào thời Chúa Giêsu là đồng lepton bằng đồng. Một công nhân chỉ cần làm trong 15 phút là có thể kiếm được hai đồng lepton. Có thể số tiền mà bà góa

đã bỏ vào hòm dâng cúng trong đền thờ là hai đồng lepton. (Mc 12,42, Lc 21,2).

2. Cách Đo

Người Do thái đo đạc thường quen dùng:

Thước tay (cubitus, coudée) là khoảng tính từ khủy tay đến đầu ngón giữa. Thước tay của người Do thái có 2 thứ: Thước tay thánh (hay là thước tay lớn) để đo Đền Thờ khoảng 0,525m; thước tay thường là 0,450m.

Gang tay (palmus, empan) tức là nửa thước tay.

Vỏ tay (palmus, palme) là một phần 3 gang tay, tức là 4 ngón để kê nhau.

Khi đi đường thì quen dùng:

Chặng (stadium, stade) là 185 mét.

Dặm (mile) là 8 chặng, khoảng 1480 m.

Lý (leuca, lieue) là 24 chặng, khoảng 4 cây số.

Đàng ngày lễ nghỉ (iter sabatti) là quãng đường người Do thái được phép đi trong ngày lễ nghỉ, độ 6 chặng, (2000 thước tay), non một cây số.

Bước (passus, brasse) là tính bước cả 2 chân khoảng 1,85 mét.

3. Cách Cân

Cân Rôma (Livre romaine) là 327 gr
Đồng cân (sekel, sicle) 14,2gr.
Lạng (mna, mine) là 50 sekel, tức 710gr.
Nén (talent, talentum) là 60 lạng,
tức khoảng 42 klg.

Nguyễn Thái Hùng

Tài liệu tham khảo

PM Phạm Ngọc Chi, Phúc Âm Dẫn Giải, nxb Ra Khơi, 1959
HĐGMVN, Niên Giám 2016, nxb Tôn Giáo 2016
Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ, Kinh Thánh Ấn bản
2011, nxb Tôn Giáo 2011
J. Dheilly, Từ Điển Kinh Thánh, A-Z, nxb Desclee
Ban Giáo Lý Gp Nha Trang, Sơ Lược Lịch Sử Giáo Hội Công
Giáo Toàn Cầu, nxb Tôn Giáo 2015
Ban Giáo Lý Gp Nha Trang, Dẫn Vào Lời Chúa, 2011
.... và Internet.

Mục lục

Thánh Kinh Những Điều Thú Vị	05
Thánh Kinh Những Điều Thú Vị 1-24	42
Thánh Kinh Những Điều Thú Vị A-Y	66
Nước Do Thái Thời Chúa Giêsu	72

*“Nếu anh em yêu mến Thầy,
anh em sẽ giữ các điều răn của Thầy.”
Tin Mừng thánh Gioan 14,15*